

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS.Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG
HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Mã SV: 120328

Lớp: QT1206K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.
 - Đi sâu vào nghiên cứu và mô tả thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại đơn vị thực tập.
 - Đưa ra những nhận xét chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại các doanh nghiệp nói chung và tại đơn vị thực tập nói riêng.
 - Tìm ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại đơn vị.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu sổ sách kế toán năm 2011 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải
Địa chỉ : Số 33 Mê Linh – quận Lê Chân – thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Thu

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Phương Thảo

ThS. Nguyễn Thị Thu

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ, chịu khó
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận tốt nghiệp trình bày trong 88 trang bao gồm cả bảng biểu, kết cấu hợp lý, logic, phù hợp với quy mô khóa luận tốt nghiệp cấp cử nhân.

Chương 1: Tác giả trình bày những vấn đề lý luận về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp. Nội dung lý luận cơ bản, chọn lọc, đầy đủ.

Chương 2: Tác giả khảo sát công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải. Tác giả khảo sát một cách có hệ thống từ khâu tổ chức chứng từ, vận dụng tài khoản kế toán, sổ sách kế toán sử dụng theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung áp dụng tại Công ty. Số liệu khảo sát rõ ràng, chi tiết, cụ thể và sâu sắc đã làm rõ quy trình kế toán tại Công ty.

Chương 3: Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tác giả đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán (Sổ nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền...), Trích lập dự phòng phải thu khó đòi...Các biện pháp đề xuất có cơ sở và căn cứ khoa học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,5 đ(chín phẩy năm điểm)

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thu

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo..... Ngày sinh: 31/07/1990

Lớp: QT1206K Ngành: Kế toán kiểm toán Khóa 12

Thực tập tại: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

Từ ngày: 31/01/12 đến ngày 10/03/12

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Ngoan ngoãn, lễ phép với cán bộ công nhân viên của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty, có ý thức học hỏi, tìm hiểu kiến thức thực tế phục vụ cho báo cáo.....

.....

2. Về những công việc được giao:

Hoàn thành tốt các công việc được giao

.....

.....

3. Kết quả đạt được:

Qua quá trình thực tập tại công ty, em Thảo đã biết cách phân loại nghiệp vụ, phân loại chứng từ và từ thực tế ứng dụng vào kiến thức mình đã được học tại trường để hoàn thành báo cáo cũng như thực tế được kiến thức mình đã học tập.

.....

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03. năm 2012

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

GIÁM ĐỐC

Chu Chí Duy

Nguyễn Lê Huyền

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.	1
2. Mục đích nghiên cứu đề tài.	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Nội dung, kết cấu đề tài.....	2
CHƯƠNG 1:.....	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG	3
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TRONG	3
DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Khái quát nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.	3
1.1.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	4
1.1.3. Phương thức xác định trị giá vốn hàng bán	6
1.1.4. Thời điểm ghi nhận doanh thu	8
1.2. Tổ chức kế toán bán hàng trong doanh nghiệp	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	11
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3:Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	14
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.3.2: Tài khoản sử dụng	15
1.2.3.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	16

1.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.....	17
1.3.1: Kế toán chi phí bán hàng.....	17
1.3.1.1: Chứng từ sử dụng.....	17
1.3.1.2: Tài khoản sử dụng.....	18
1.3.1.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	19
1.3.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	19
1.3.2.1: Chứng từ sử dụng.....	19
1.3.2.2: Tài khoản sử dụng.....	20
TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.....	20
1.3.2.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	20
1.3.3: Kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.....	22
1.3.3.1: Chứng từ sử dụng.....	22
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.....	22
1.3.3.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	24
1.4. Tổ chức sổ kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.	24
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung.....	24
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	25
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	25
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	25
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	26
CHƯƠNG 2:	28
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG.....	28
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI.....	28
2.1.Giới thiệu chung về công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.	28
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.	28
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải....	29
2.1.3.Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.	30

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể:.....	30
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	30
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.	31
-Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.	31
2.1.5. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng tại công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải... ..	32
2.1.6. Khái quát một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty.	35
2.2.Thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.	36
2.2.1.Đặc điểm hoạt động bán hàng tại công ty.	36
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	37
2.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	44
2.2.4.Kế toán xác định kết quả bán hàng	50
2.2.4.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	50
CHƯƠNG 3:.....	67
BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG	67
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG	67
TẠI CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI.....	67
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM&DVKN Hàng Hải.	67
3.1.1.Ưu điểm:.....	67
3.1.2. Hạn chế:	68
3.2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM&DVKN Hàng Hải.	70
3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện:	70

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:	71
3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM & DVKN Hàng Hải.	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Tiêu thụ hàng hóa (bán hàng) và xác định kết quả là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng. Tiêu thụ hàng hóa là một giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính chất quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh là thành quả lao động cuối cùng, là mục tiêu sống còn của doanh nghiệp. Đồng thời tạo ra nguồn thu chủ yếu cho ngân sách nhà nước và thúc đẩy xã hội phát triển. Vì vậy, bán hàng và xác định kết quả có một vai trò rất quan trọng nó sẽ giúp cho các nhà quản trị cấp cao có cái nhìn đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp mình. Từ đó đưa ra các định hướng phát triển doanh nghiệp trong tương lai.

Với những nhận thức về tầm quan trọng đó, sau khi được trang bị kiến thức ở Nhà trường và qua thời gian tìm hiểu tại công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải, em đã chọn đề tài ***“Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải”***.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài.

Làm rõ hơn về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nói chung và của công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải nói riêng để tìm hiểu những mặt đã làm được, những hạn chế còn tồn tại, qua đó đưa ra một số đề xuất để góp phần hoàn thiện hơn nữa về công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài là toàn bộ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán có liên quan đến tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải tháng 12 năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu mà chủ yếu là phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp thu thập, liệt kê số liệu
- Phương pháp phân tích
- Phương pháp so sánh

5. Nội dung, kết cấu đề tài.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được bố trí thành 3 chương:

•Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.

•Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.

•Chương 3: Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.

CHƯƠNG 1:

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TRONG
DOANH NGHIỆP**

1.1. Khái quát nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.

Tiêu thụ thành phẩm (bán hàng) là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất. Để thực hiện giá trị sản phẩm, hàng hóa lao vụ, dịch vụ doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hóa sản phẩm, hoặc cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng, được khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán, quá trình này được gọi là quá trình tiêu thụ.

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là tổng giá trị được thực hiện do việc bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

+ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

+ Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian địa điểm hợp đồng...

+ Hàng bán bị trả lại là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng như đã ký kết.

- Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh ở khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính có tính chất chung đến toàn doanh nghiệp.

- Kết quả bán hàng: là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. Kết quả bán hàng được tính theo công thức sau:

$$\text{Kết quả bán hàng} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

1.1.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

* Phương thức bán hàng trực tiếp

- Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hoặc trực tiếp tại phân xưởng của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

* Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

- Là phương thức giao hàng cho người mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số sản phẩm hàng hóa xuất kho trong quá trình vận chuyển vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

* Phương thức bán hàng qua các đại lý (ký gửi)

- Là phương thức doanh nghiệp bán hàng qua các đại lý, sản phẩm hàng hóa xuất cho các đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào đại lý nộp báo cáo bán hàng hoặc nộp tiền hàng thì số sản phẩm hàng hóa đó mới được xác định là tiêu thụ. Riêng số tiền hoa hồng trả cho đại lý được tính vào chi phí bán hàng. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh

lệch giá. Trường hợp bên đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ chịu thuế GTGT tính trên phần GTGT.

*** Phương thức bán hàng trả góp**

- Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua, số tiền còn lại khách hàng chấp nhận trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

*** Phương thức bán buôn hàng hóa**

Lưu chuyển hàng hóa bán buôn được thực hiện theo hai phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

- Bán buôn qua kho là phương thức bán truyền thống thường áp dụng với ngành hàng có đặc điểm: tiêu thụ có định kỳ giao nhận, thời điểm giao nhận không trùng với thời điểm nhận hàng, hàng khó chia thác, hàng cần qua dự trữ để tăng giá trị thương mại.....khi thực hiện phương thức kinh doanh cho các loại hàng này, doanh nghiệp cần có kế hoạch dự trữ tốt và tiến độ giao hàng đúng lệnh, để tránh ứ đọng làm gây tổn kém chi phí dự trữ, giám sát chất lượng hàng và gây khó khăn cho công tác bảo quản hàng.

- Bán buôn vận chuyển thẳng (bán vận chuyển thẳng có tham gia thanh toán và bán vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán) là phương thức bán hàng không qua kho. Trường hợp bán thẳng có tham gia thanh toán thì doanh nghiệp phải tổ chức quá trình mua hàng, bán hàng, thanh toán tiền mua hàng, tiền hàng đã bán với nhà cung cấp và khách hàng của doanh nghiệp; bán buôn vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán thực chất là hình thức môi giới trung gian trong quan hệ mua bán, doanh nghiệp chỉ được phản ánh tiền hoa hồng môi giới cho việc mua hoặc bán, không được ghi nhận nghiệp vụ mua cũng như nghiệp vụ bán của mỗi thương vụ.

*** Phương thức bán lẻ hàng hóa**

Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ sản xuất tới tiêu dùng. Hàng hóa được bán trực tiếp từ tay nhà sản xuất tới người tiêu dùng, qua đó giá trị của hàng hóa được thực hiện. Hàng hóa bán lẻ thường có giá trị nhỏ,

thanh toán ngay và hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt nên ít khi phải lập chứng từ bán hàng.

* Các trường hợp xuất khác được hạch toán tiêu thụ

Ngoài các phương thức tiêu thụ chủ yếu ở trên, các doanh nghiệp còn sử dụng vật tư hàng hóa, sản phẩm để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên chức, để biếu tặng, quảng cáo, chào hàng hay sử dụng sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh, để trao đổi lấy hàng hóa khác... Các trường hợp này cũng được coi là tiêu thụ và được tính là tiêu thụ nội bộ.

1.1.3. Phương thức xác định trị giá vốn hàng bán

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm sản phẩm hàng hóa, số lần nhập xuất hàng, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho... Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp tính giá hàng xuất kho phải tuân thủ nguyên tắc nhất quán, tức là phải ổn định phương pháp tính giá hàng xuất kho ít nhất trong vòng một niên độ kế toán.

* Phương pháp Nhập trước- Xuất trước

- Theo phương pháp này, hàng tồn kho được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định lô hàng nào nhập vào kho trước sẽ được xuất bán trước, vì vậy lượng hàng hóa xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính theo giá thực tế của lần nhập đó.

+ Ưu điểm của phương pháp này là cho phép kế toán có thể tính giá hàng xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm của phương pháp Nhập trước- Xuất trước là phải tính giá theo từng danh điểm sản phẩm, hàng hóa và phải hạch toán chi tiết hàng hóa tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức. Ngoài ra phương pháp này làm cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả của hàng hóa trên thị trường.

* Phương pháp Nhập sau - Xuất trước

- Theo phương pháp này, hàng tồn kho được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định là lô hàng nào nhập vào kho sau sẽ được xuất bán trước, vì vậy việc tính giá xuất kho sẽ được làm ngược lại với phương pháp Nhập trước - Xuất trước.

Về cơ bản ưu, nhược điểm của phương pháp Nhập sau - Xuất trước cũng giống như phương pháp Nhập trước - Xuất trước, nhưng sử dụng phương pháp Nhập sau - Xuất trước giúp cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả của hàng hóa trên thị trường.

* Phương pháp giá thực tế đích danh(tính trực tiếp)

- Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô sản phẩm, hàng hóa nhập kho, vì vậy khi xuất kho lô nào thì tính giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó

+ Ưu điểm của phương pháp này là công tác tính giá hàng bán được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá hàng xuất kho, kế toán có thể theo dõi được điều kiện bảo quản của từng lô hàng.

+ Nhược điểm của phương pháp này là hệ thống kho tàng của doanh nghiệp cho phép bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

* Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền

- Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm hàng tồn kho nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của các lô hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị hàng hóa:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế hàng} & & \text{Giá bình quân của 1} & & \text{Lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{đơn vị hàng hóa} & \times & \text{xuất kho} \end{array}$$

+ Ưu điểm của phương pháp này là giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết từng mặt hàng so với phương pháp Nhập trước - Xuất trước, Nhập sau - Xuất trước, không phụ thuộc vào số lần nhập, xuất của từng mặt hàng.

+ Nhược điểm của phương pháp này là dồn công việc tính giá hàng xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác, đồng thời sử dụng phương pháp này cũng phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm hàng hóa.

* Phương pháp giá thực tế bình quân sau mỗi lần nhập

- Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm hàng hóa. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng hàng xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế hàng xuất kho.

+ Ưu điểm của phương pháp này là cho phép kế toán tính giá hàng xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm của phương pháp giá thực tế bình quân sau mỗi lần nhập là khối lượng công việc nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng mặt hàng. Chỉ sử dụng ở những doanh nghiệp có ít mặt hàng và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

* Phương pháp giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước

- Theo phương pháp này, kế toán xác định giá đơn vị bình quân dựa trên giá thực tế và lượng hàng tồn kho cuối kỳ trước. Dựa vào giá đơn vị bình quân nói trên và lượng hàng xuất kho trong kỳ để kế toán xác định giá thực tế hàng xuất kho theo từng danh điểm.

+ Ưu điểm của phương pháp này là cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán

+ Nhược điểm là độ chính xác của công việc tính giá phụ thuộc vào tình hình biến động của giá cả hàng hóa trên thị trường.

Ngoài ra trong doanh nghiệp còn sử dụng phương pháp trị giá hàng tồn cuối kỳ, giá hạch toán...

1.1.4. Thời điểm ghi nhận doanh thu

Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia theo quy định tại điểm 10, 16, 24 của chuẩn mực kế toán Việt nam số 14 “ Doanh thu và Thu nhập khác” được ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính và các quy định của chế độ kế toán hiện hành. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hay sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến chi phí bán hàng.

1.2. Tổ chức kế toán bán hàng trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT 3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL)
- Hợp đồng kinh tế, bảng kê hóa đơn.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01 – BH)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo có, sổ phụ kèm theo.....

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Bên Nợ:

- Số thuế phải nộp (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp) tính trên doanh số bán trong kỳ.
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại
- Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng.

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

* Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ.

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán trả lại (theo giá tiêu thụ nội bộ), khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong kỳ, số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp của số hàng hóa tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu nội bộ thuần vào tài khoản xác định kết quả.

Bên Có:

- Tổng số doanh thu nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 512 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

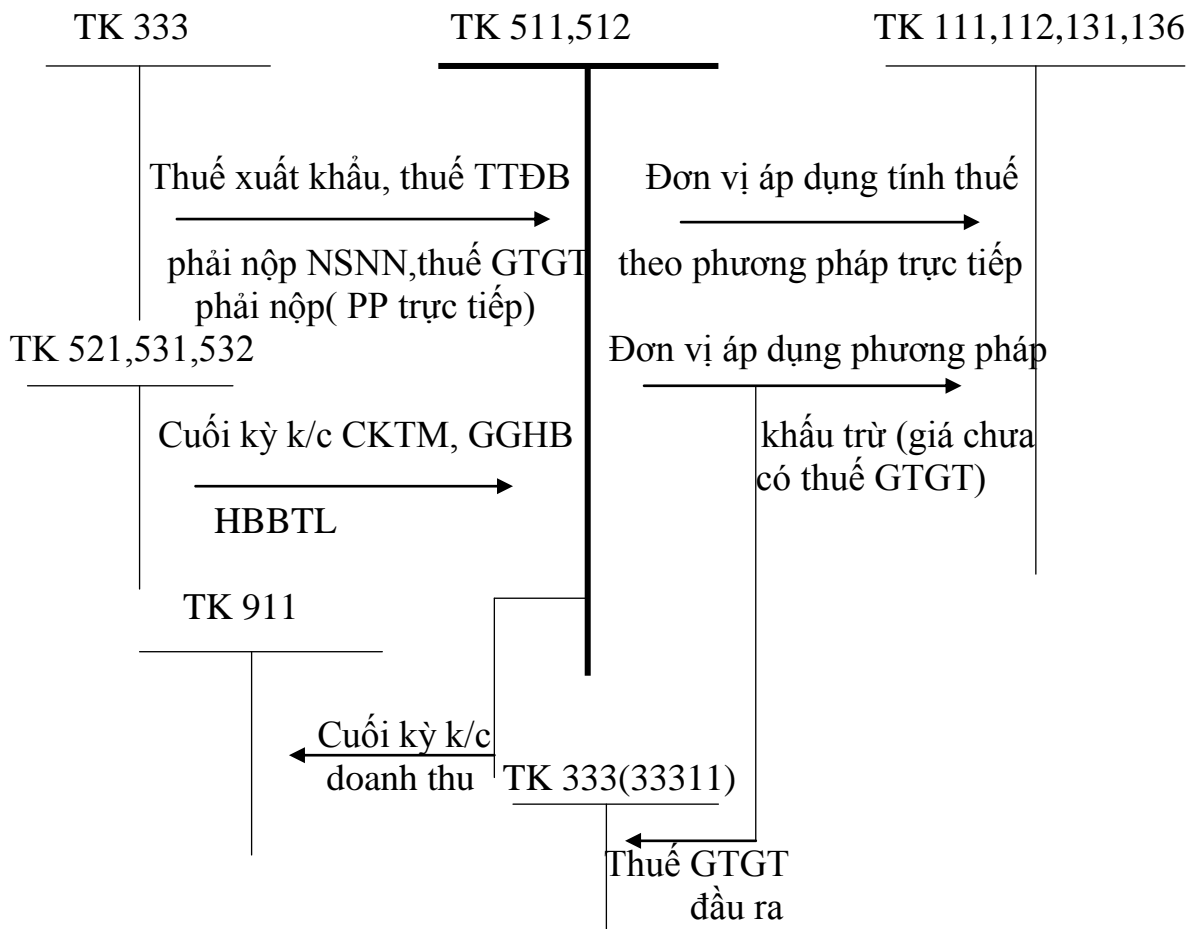
TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT 3/001)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 02 GTKT – 3LL)
- Hợp đồng kinh tế

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 521: “ Chiết khấu thương mại”

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng.

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

* Tài khoản 531: “ Hàng bán bị trả lại”

Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm lao vụ dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng, hàng bị mất, kém phẩm chất... Trị giá của số hàng bán bị trả lại bằng số lượng hàng bị trả lại nhân với đơn giá trên hóa đơn khi bán.

Bên Nợ:

- Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán ra.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

* Tài khoản 532: “ Giảm giá hàng bán”

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận vì các lý do chủ quan của doanh nghiệp (hàng kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế)

Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán được chấp nhận.

Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Tài khoản 333: “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ
- Số thuế, phí, lệ phí, và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp
- Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp.

Dư Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Dư Nợ: Trong trường hợp cá biệt TK này có thể dư nợ. Số dư nợ phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp.

Tài khoản 3331: “Thuế giá trị gia tăng phải nộp”

Phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

Tài khoản 3331 chi tiết thành 2 tài khoản cấp 3:

+ Tài khoản 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

+ Tài khoản 33312- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

Tài khoản 3332: “Thuế tiêu thụ đặc biệt”

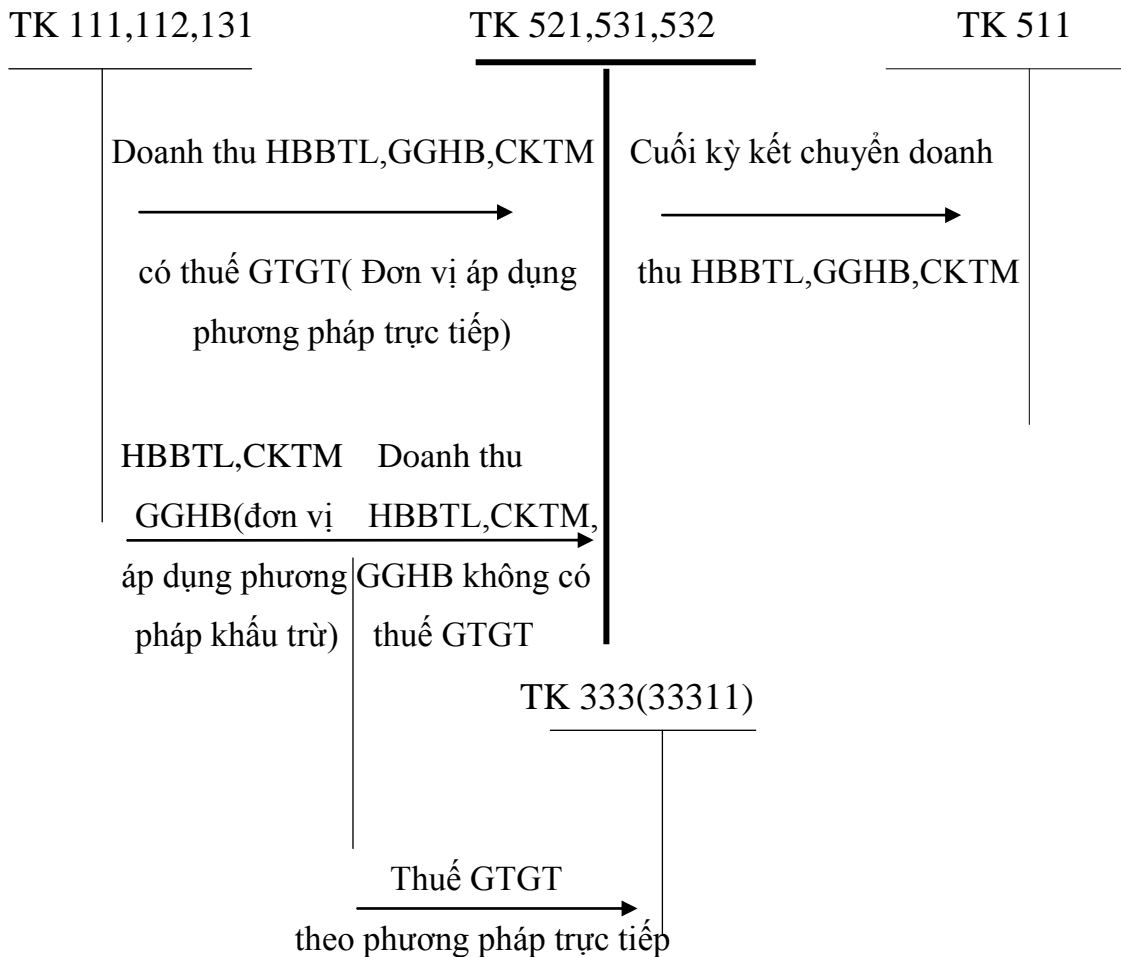
Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

Tài khoản 3333: “Thuế xuất, nhập khẩu”

Phản ánh số thuế xuất khẩu, số thuế nhập khẩu phải nộp đã nộp, và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

1.2.2.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài Chính, khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”, chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- TK5211 - Chiết khấu thương mại
- TK5212 - Hàng bán bị trả lại
- TK5213 – Giảm giá hàng bán

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

1.2.3.2: Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của sản phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo hóa đơn

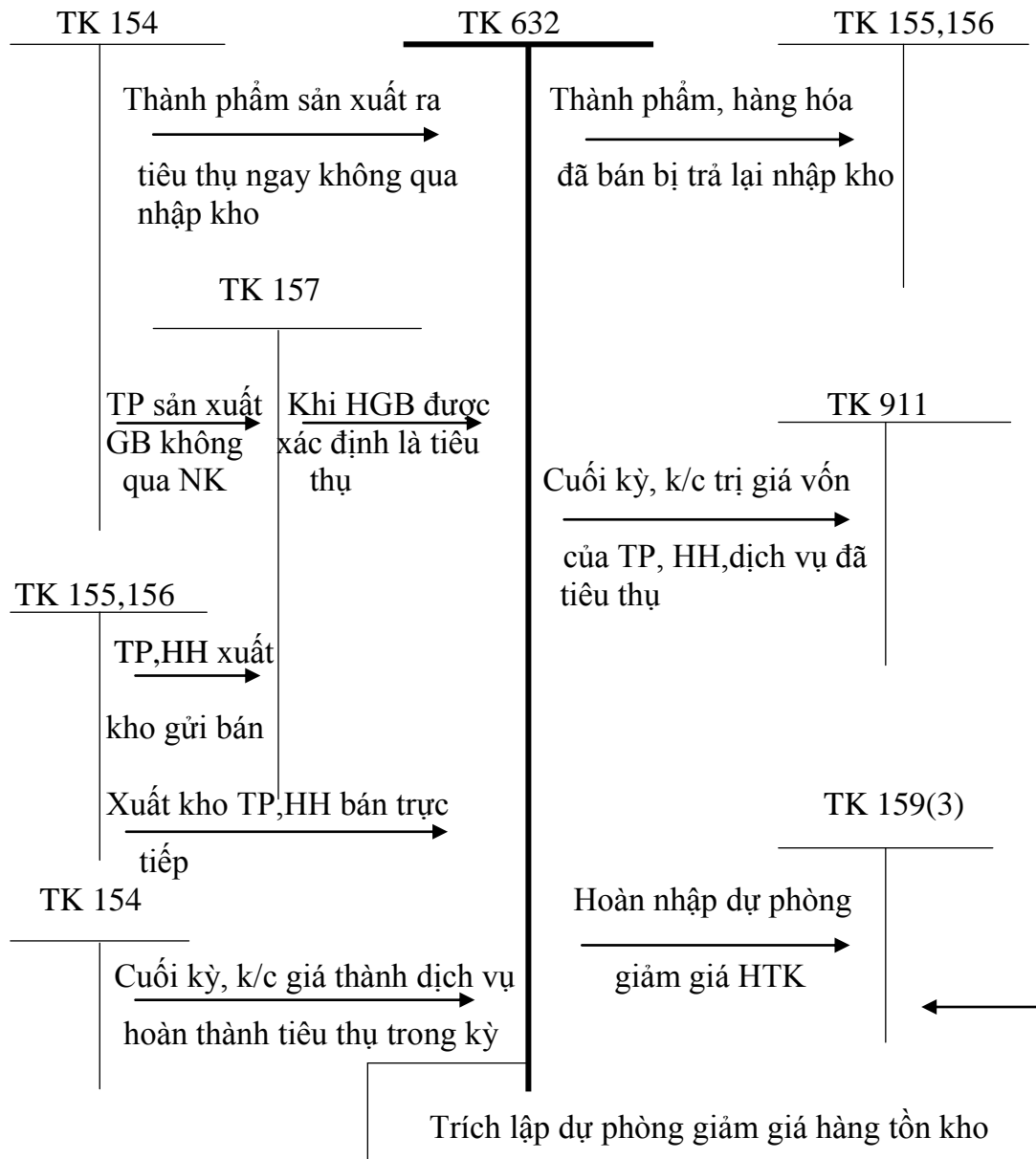
Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào TK 911

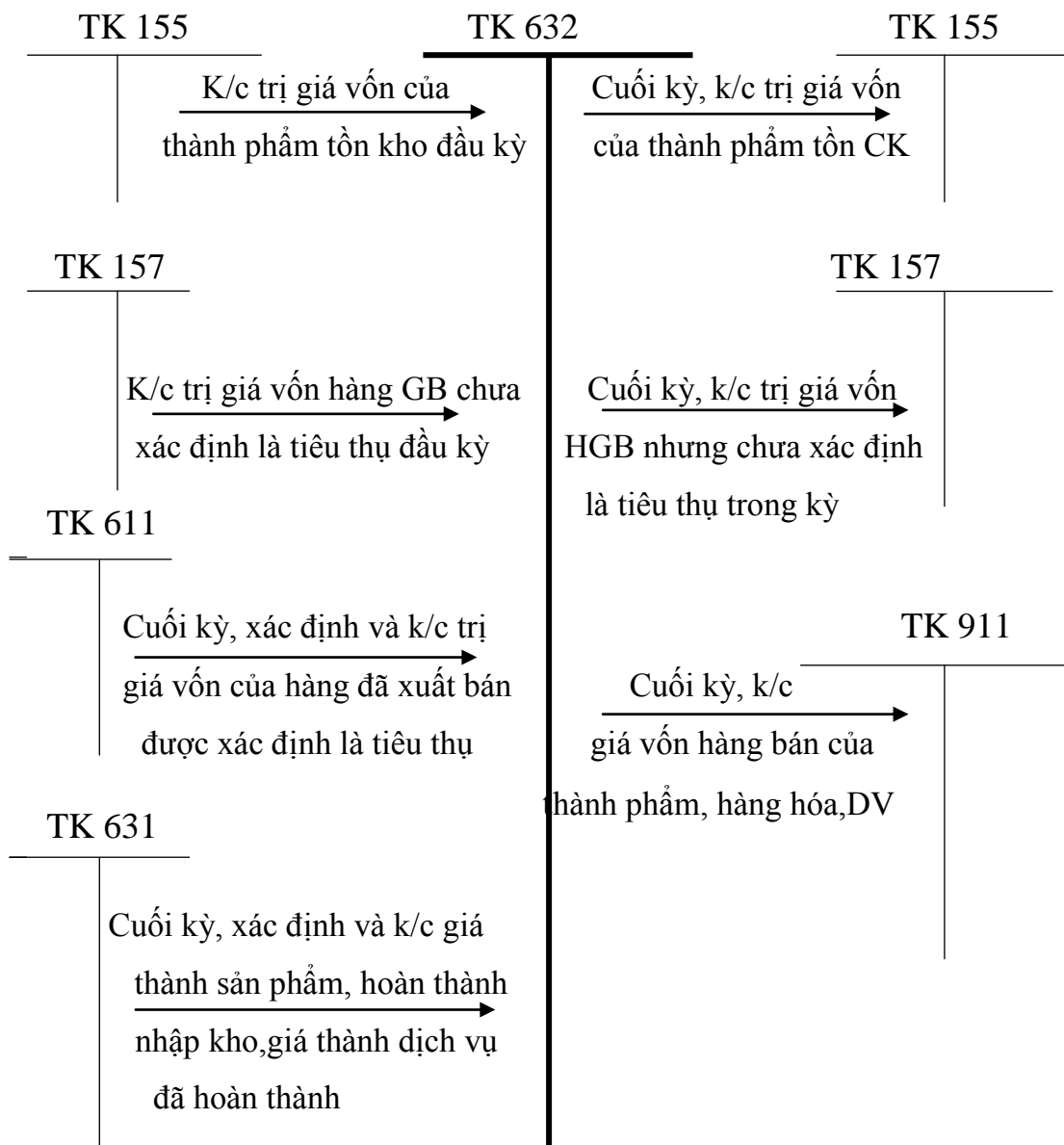
Tài khoản 632 cuối kỳ không có số dư.

1.2.3.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp

1.3.1: Kế toán chi phí bán hàng

1.3.1.1: Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT 3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02- TT)
- Giấy báo nợ, giấy đề nghị tạm ứng, đề nghị thanh toán
- Bảng chấm công (MS 01a – LĐTL)
- Bảng thanh toán tiền lương (MS 02- LĐTL)
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao...

1.3.1.2: Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, lao vụ như chi phí bao gói, phân loại, chọn lọc, vận chuyển, bốc dỡ, giới thiệu, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, hoa hồng trả cho đại lý...

Bên Nợ:

- Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng

- Kết chuyển sang TK 911

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK6412: Chi phí bao bì, vật liệu

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

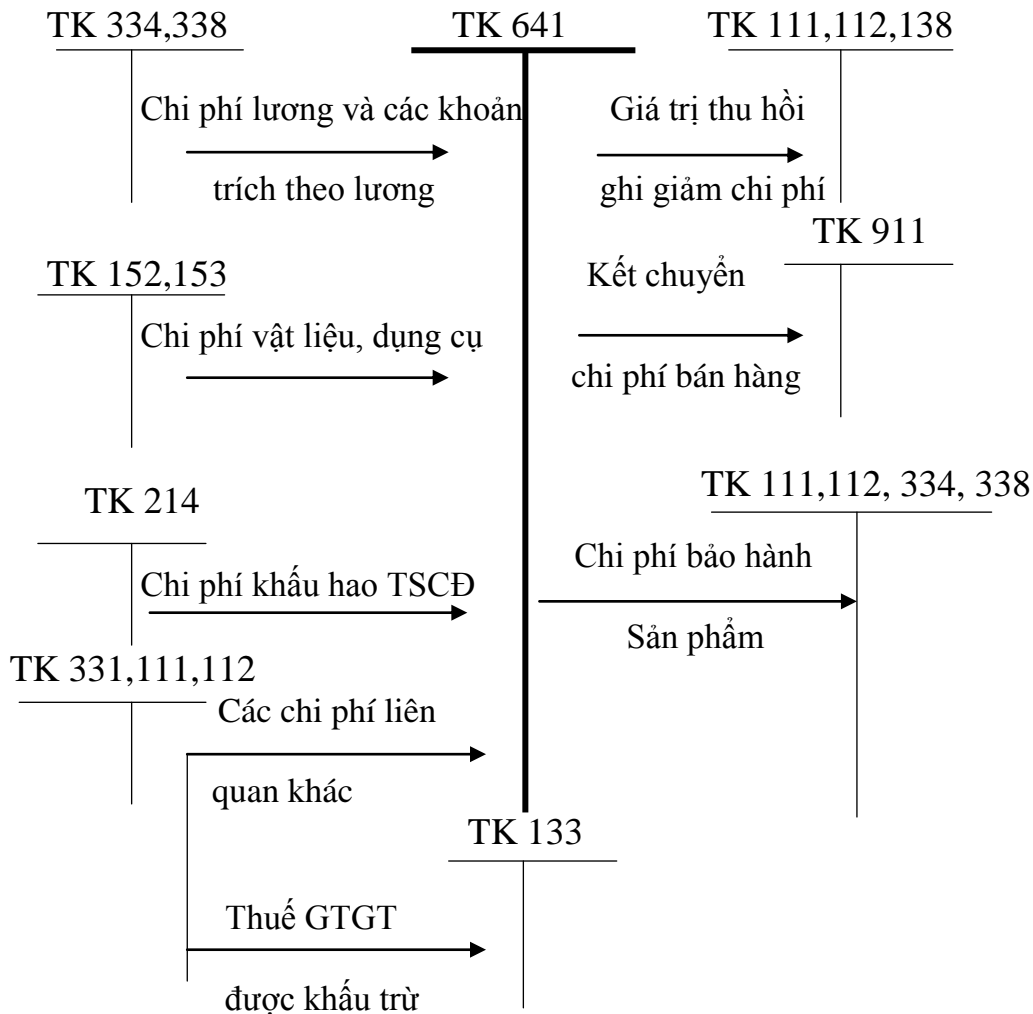
TK 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.3.1.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng



1.3.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.2.1: Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT 3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02- TT), giấy báo nợ, sổ phụ kèm theo
- Bảng thanh toán tiền lương (MS 02- LĐTTL), bảng thanh toán BHXH
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ khấu hao.....

1.3.2.2: Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí phát sinh ở khâu quản lý kinh doanh, quản lý hành chính điều hành doanh nghiệp và chi phí phát sinh trong phạm vi chung của doanh nghiệp mà không tách riêng cho bất kỳ một hoạt động nào.

Bên Nợ:

- Ghi nhận chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý

- Kết chuyển sang TK 911

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 8 TK cấp 2:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

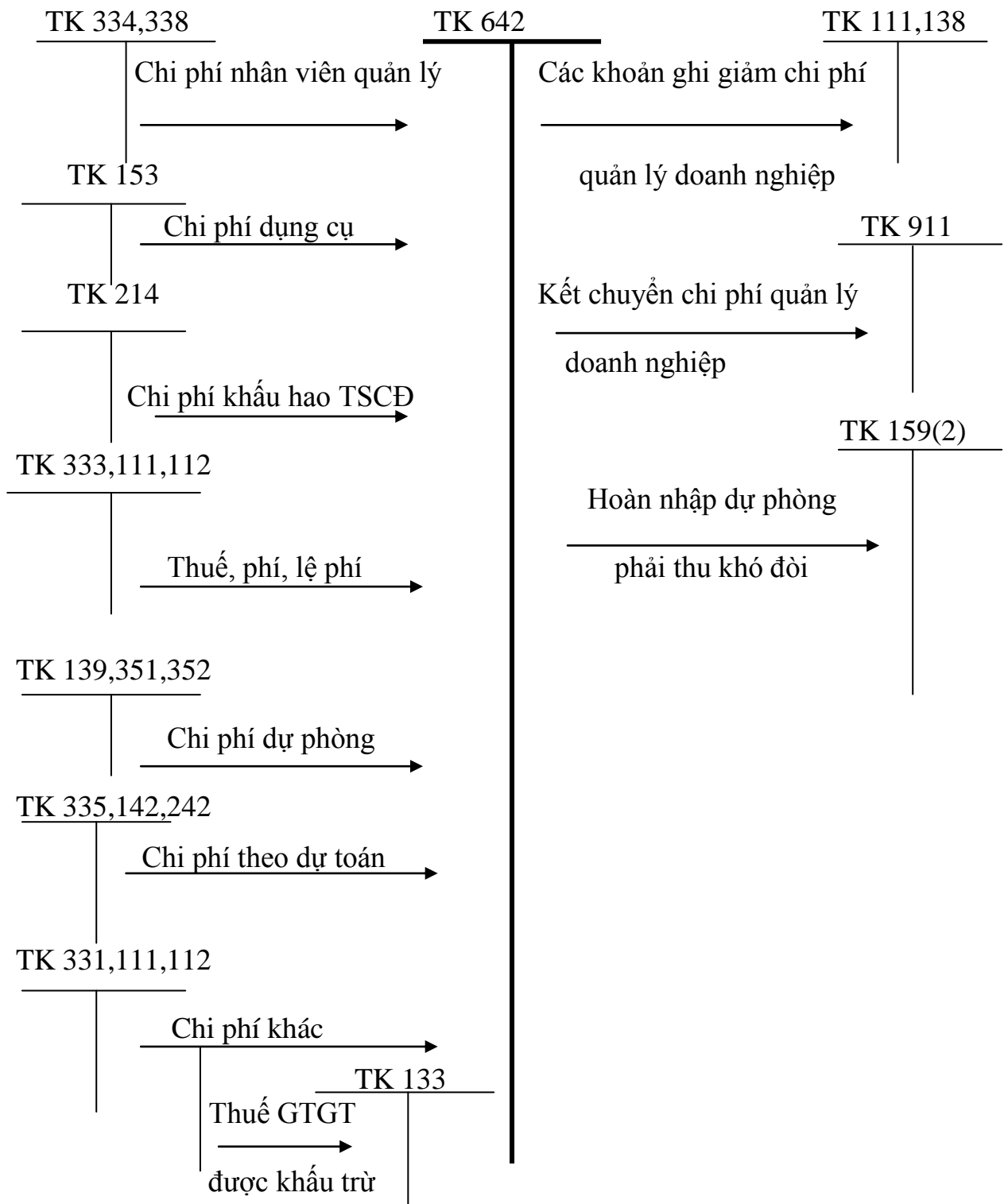
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

1.3.2.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp



Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài Chính, để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Theo quyết định 48(chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa), hệ thống tài khoản cho nhóm tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- + TK6421: Chi phí bán hàng
- + TK6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.3: Kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp

1.3.3.1: Chứng từ sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, ngoài các chứng từ để xác định doanh thu, chi phí kế toán còn sử dụng phiếu kế toán.

Phiếu kế toán - là loại chứng từ kế toán do kế toán lập để làm căn cứ ghi sổ đối với các bút toán kết chuyển hay trích trước chi phí.

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng

Sau một kỳ hạch toán, kế toán tiến hành xác định kết quả của hoạt động kinh doanh. Kế toán sử dụng TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định toàn bộ kết quả sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác các doanh nghiệp. Tài khoản 911 được mở chi tiết theo từng hoạt động và từng loại hàng hóa, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ... Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã tiêu thụ.
- Kết chuyển chi phí tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sau khi xác định kết quả của hoạt động kinh doanh, kế toán kết chuyển Lãi (Lỗ) hoạt động kinh doanh sang TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Dư nợ : Phản ánh số lỗ chưa xử lý

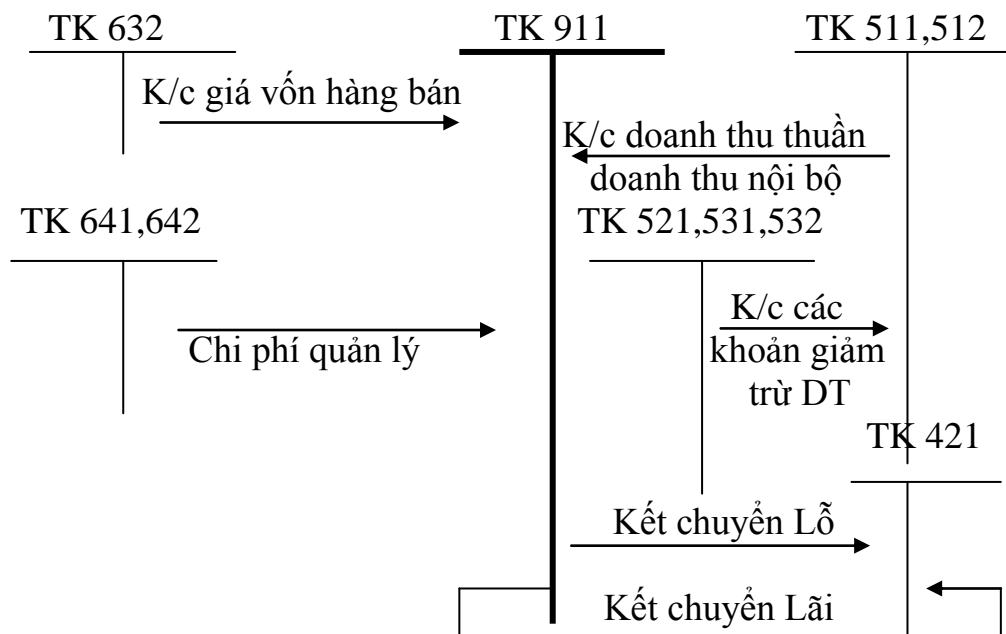
Dư có : Phản ánh số lãi chưa phân phối

TK 421.1: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 421.2: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.3.3.3: Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp



1.4. Tổ chức sổ kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.

Quá trình hạch toán nghiệp vụ bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc và kết thúc bằng báo cáo kế toán thông qua việc ghi chép theo dõi, định khoản, tính toán và xử lý số liệu trên các sổ sách kế toán. Hiện nay có 5 hình thức sổ kế toán mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn:

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ cụ thể sau: Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái, các Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau: Nhật ký - Sổ cái, các sổ thẻ kế toán chi tiết.

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức này là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

- Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+, Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.

+, Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ.

- Chứng từ ghi sổ kế do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán định kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế theo nội dung kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

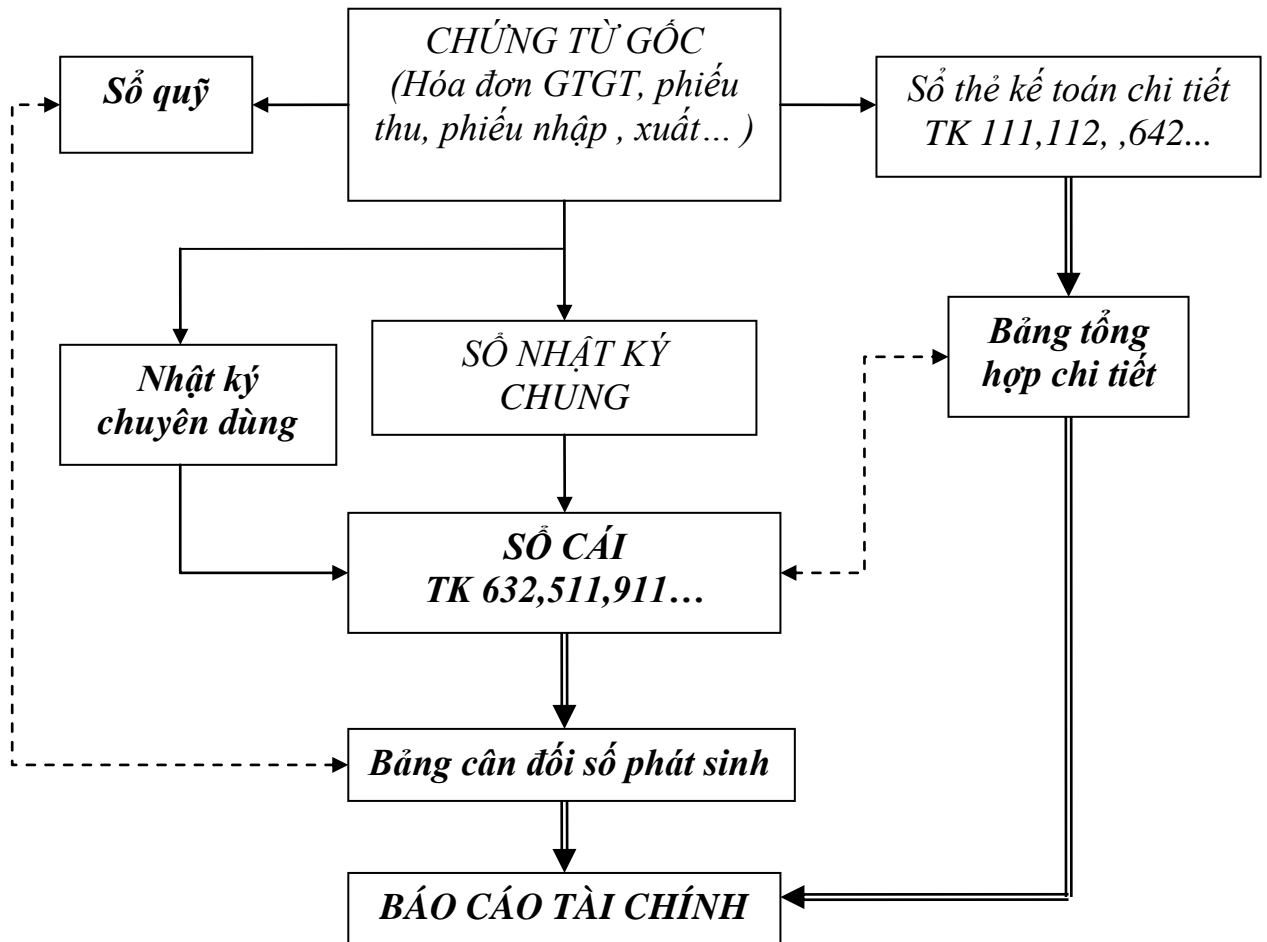
- Hình thức Nhật ký chứng từ gồm các loại sổ thẻ kế toán sau: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của hình thức Kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Đối chiếu: <----->

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

2.1. Giới thiệu chung về công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Hải.

Tên giao dịch tiếng Anh: Marine Engineering Trade and Service Joint Stock Company.

Tên viết tắt: METS J.S.C.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ.

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3630497

Mã số thuế: 0200741904

Công ty CPTM và DV Kỹ nghệ Hàng Hải được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003132 ngày 22 tháng 5 năm 2007. Công ty được cấp lại lần 1 vào ngày 24 tháng 07 năm 2010. Đầu tiên, trụ sở của công ty được đặt tại số 33 Mê Linh, phường Mê Linh, quận Lê Chân, Hải Phòng. Về sau để thuận tiện cho công việc kinh doanh, công ty chuyển về số 24 Trại Lẻ, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Qua mấy năm hoạt động, công ty CPTM và DVKN Hàng Hải đang dần khẳng định hướng đi của riêng mình. Từ chỗ mới được thành lập, công ty còn nhiều bỡ ngỡ và gặp nhiều khó khăn, khách hàng chưa nhiều, đến nay công ty đã không ngừng phát triển và phấn đấu về mọi mặt, từng bước hoàn thiện mình, coi trọng hiệu quả kinh tế, đồng thời luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

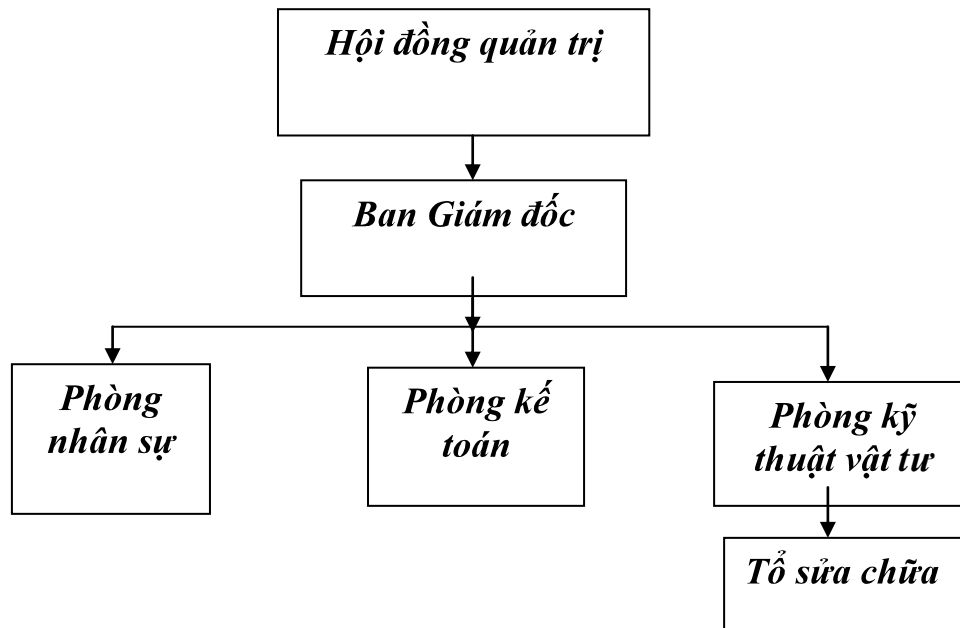
Công ty kinh doanh các ngành nghề:

1. Bán buôn chuyên doanh khác:
 - Vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành Hàng Hải
 - Vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho sửa chữa tàu thủy
2. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
3. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
5. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6. Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa
7. Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
8. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
9. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
10. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
11. Bốc xếp hàng hóa
12. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chế tạo trang thiết bị phục vụ cho ngành Hàng hải.
13. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:
 - Tư vấn, chế tạo, thi công đóng mới và sửa chữa tàu thủy
 - Tư vấn khai thác tàu thủy
 - Tư vấn về thiết bị xử lý nước thải, khí thải
14. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm:
 - Đào tạo, huấn luyện và cung ứng lao động, thuyền viên
15. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.
16. Đại lý:
 - Đại lý môi giới tàu biển nội địa, quốc tế.
17. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu:
 - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể:

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty, là người triệu tập và là chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, là người giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc: là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp, là người theo sát và đảm bảo chiến lược đề ra, theo dõi lợi nhuận và chi phí; điều phối, củng cố và đánh giá dữ liệu tài chính và chuẩn bị các báo cáo đặc biệt.

- Phòng hành chính nhân sự: Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động lương thưởng cho cán bộ nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, phô tô, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.

- Phòng tài chính kế toán: Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

- Phòng kỹ thuật vật tư: Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của khách hàng.

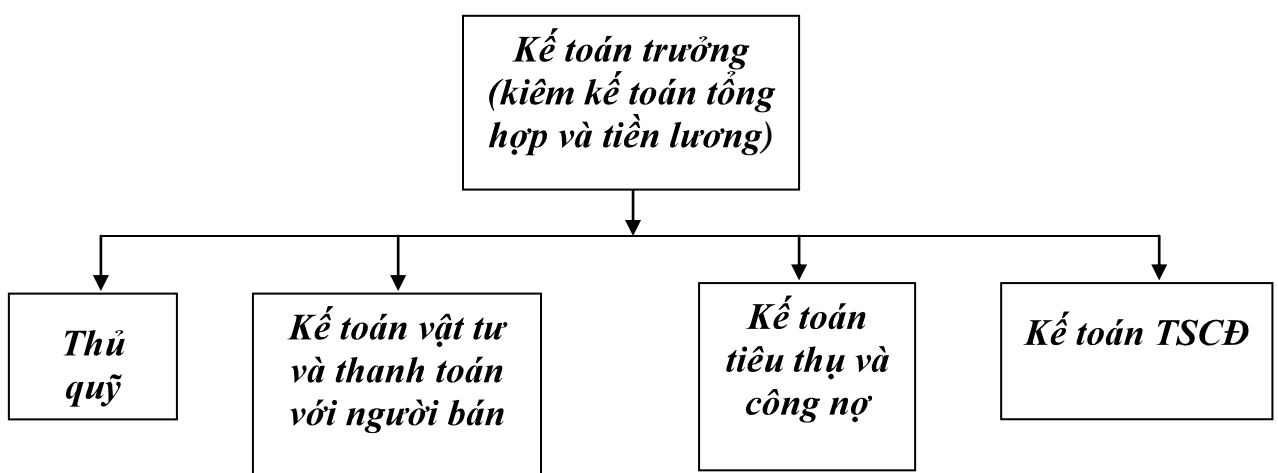
- Tổ sửa chữa: quản lý đồ nghề dụng cụ bảo hộ lao động, thực hiện công việc sửa chữa theo sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật vật tư và ban Giám đốc.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

-Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

-Với chức năng và nhiệm vụ như vậy, bộ máy kế toán của công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung: Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty



➤ **Nhiệm vụ:**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.

- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, quản lý tình hình sử dụng TSCĐ, theo dõi khấu hao.

- Kế toán vật tư và thanh toán với người bán: theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành, đồng thời có nhiệm vụ thanh toán với người bán, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

- Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và thu chi trong các hoạt động giao dịch của công ty.

2.1.5. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng tại công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.

➤ **Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:**

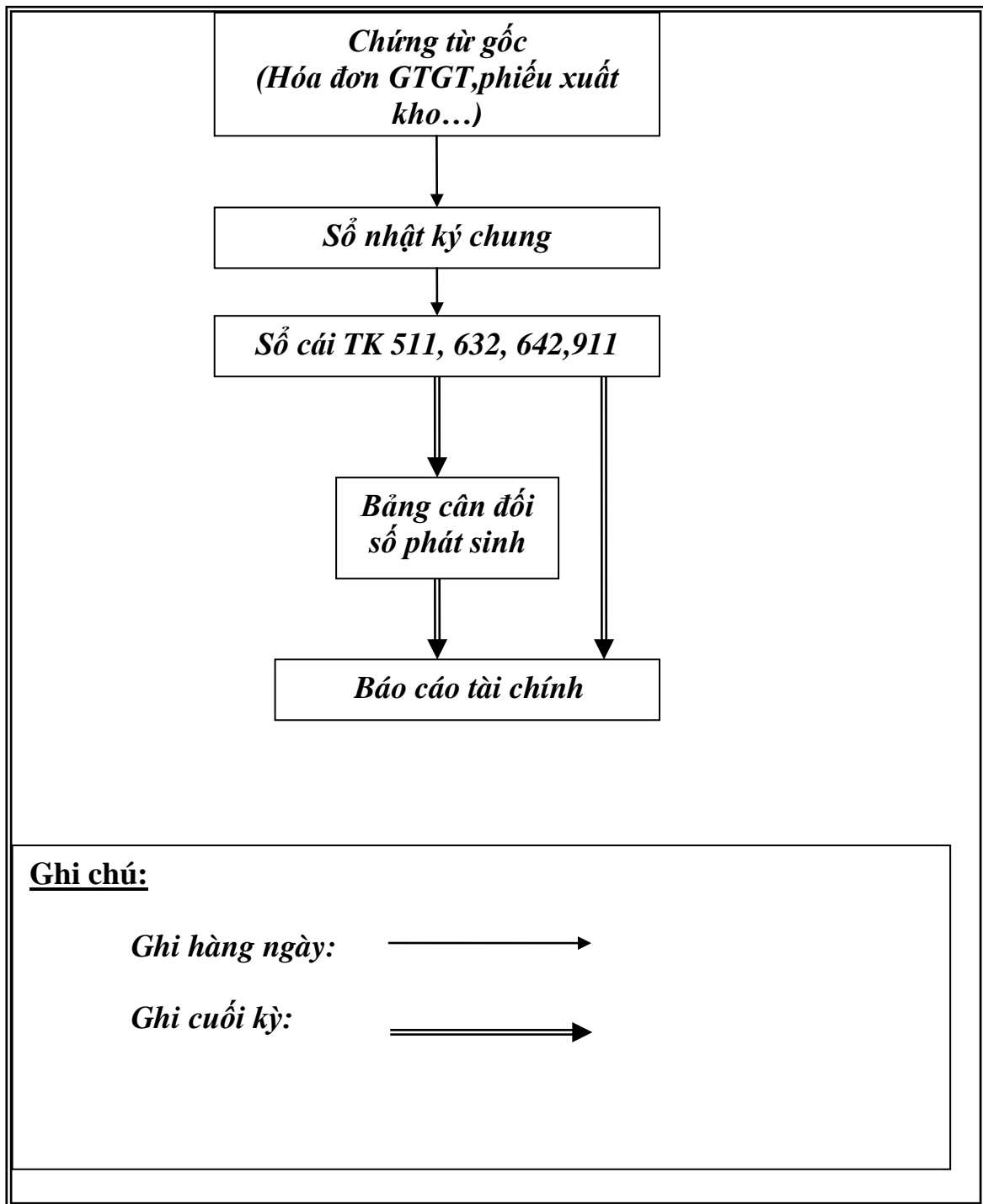
Công ty CPTM và DV Kỹ Nghệ Hàng Hải tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ **Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty CPTM và DV Kỹ Nghệ Hàng Hải:**

- Chế độ kế toán áp dụng: công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Kỳ kế toán: Công ty áp dụng kỳ kế toán theo từng tháng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Lê Chân.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty áp dụng tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Đơn vị tiền tệ áp dụng: Việt Nam Đồng.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối tài khoản, cuối năm tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty



➤ Trình tự luân chuyển chứng từ:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái các tài khoản.
3. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối tài khoản.
4. Lập báo cáo tài chính:
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.1.6. Khái quát một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty.

Bảng 2.1. Tình hình biến động của một số chỉ tiêu trong các năm 2009, 2010, 2011

ĐVT: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1. Tổng doanh thu	6.361.405.817	4.884.386.850	6.051.655.188
2. Tổng chi phí	6.283.270.260	4.850.732.255	5.962.234.465
3. Lợi nhuận trước thuế	78.135.557	33.654.595	89.420.723
4. Nộp Ngân sách Nhà Nước	19.533.889	8.413.649	22.355.181
5. Thu nhập bình quân/lao động/tháng	1.750.300	1.875.900	2.532.400

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau:

Tổng doanh thu của công ty năm 2009 là hơn 6 tỷ, có được kết quả này là do năm 2009, công ty đã chú ý tăng cường cơ sở vật chất, đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh, đẩy doanh thu của công ty tăng cao. Tuy nhiên, sang năm 2010, nền kinh tế thị trường bị khủng hoảng, kéo theo ngành hàng hải trong nước bị chững lại, cộng với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành đã dẫn tới sự giảm sút doanh thu đáng kể cho công ty. Đến năm 2011, mặc dù nền kinh tế vẫn đang trong tình trạng khủng hoảng nhưng công ty đã biết nắm bắt một số cơ

hội kinh doanh, phát huy được thế mạnh của mình, làm cho tổng doanh thu lại tăng lên xấp xỉ năm 2009.

Mặc dù lĩnh vực kinh doanh của công ty khá đa dạng, nhưng ba năm trở lại đây, công ty hầu như chỉ chuyên trách về dịch vụ sửa chữa các loại tàu thủy. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, công ty thực hiện toàn bộ quá trình từ mua sắm các máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ cho sửa chữa tàu thủy, cung cấp công nhân sửa chữa, sau khi hoàn thành, công ty được đối tác chi trả toàn bộ chi phí đã bỏ ra. Nên tổng chi phí của công ty trong ba năm 2009, 2010, 2011 cũng tăng tương ứng với tổng doanh thu.

Thu nhập bình quân/lao động/tháng ba năm trở lại đây có thay đổi là do số lượng tham gia lao động tại công ty mỗi năm đều tăng thêm, bên cạnh đó, lương của công nhân trong công ty được tính theo số ngày công làm việc, mà điều này lại phụ thuộc chủ yếu vào số lượng, đặc điểm và quy mô công việc.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.

2.2.1. Đặc điểm hoạt động bán hàng tại công ty.

❖ Phương thức bán hàng: Hiện nay tại công ty chủ yếu cung cấp các dịch vụ như sửa chữa tàu thủy, dịch vụ vận tải (vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy...), dịch vụ lao động và việc làm...

❖ Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

- Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt: Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

- Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

+ Phương thức thanh toán chậm trả (bán chịu): Được áp dụng với khách

hàng lớn và truyền thống. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán theo dõi tình hình công nợ qua các phiếu kế toán. Từ các phiếu kế toán, kế toán vào sổ cái tài khoản phải thu khách hàng.

❖ Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp này đòi hỏi công ty phải quản lí, theo dõi hàng hoá theo từng lô hàng. Khi xuất kho, hàng hoá của lô hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính ra giá thực tế xuất kho.

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Một số chứng từ có liên quan như: biên bản nghiệm thu sửa chữa, quyết toán sửa chữa.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001.

- Phiếu kế toán theo dõi công nợ.

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

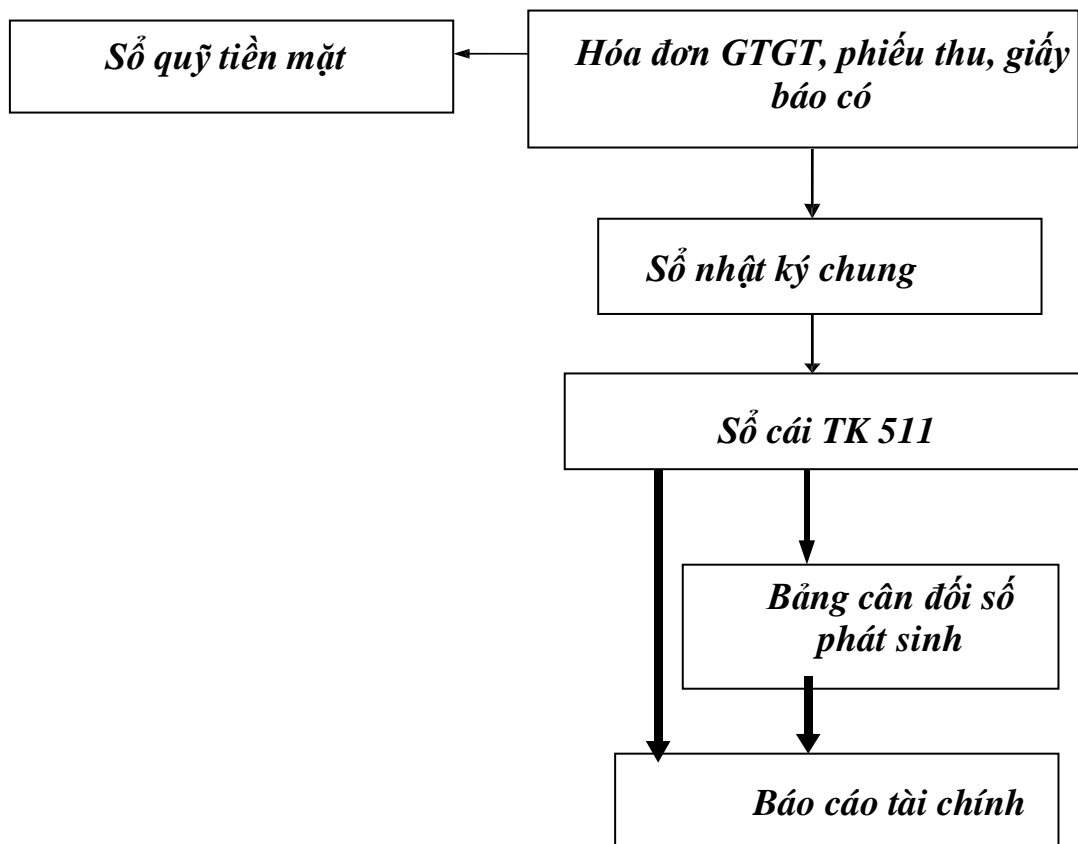
- TK 111: Tiền mặt.

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

- TK 131: Phải thu khách hàng.

➤ *Trình tự hạch toán:*

Sơ đồ 2.4. Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow
Ghi định kỳ : \longrightarrow

VÍ DỤ 1: Ngày 13/12/2011, công ty hoàn thành quyết toán sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC của công ty TNHH Hàng Hải - Năng lượng Xanh, số tiền là 39.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC, quyết toán sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC, kế toán viết hóa đơn GTGT ký hiệu AA/11P số 0000003, sau đó kế toán vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK511.

Biểu số 2.1:

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NGHIỆM THU SỬA CHỮA TÀU APOLLO PACIFIC

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

<i>TT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Đ/vị</i>	<i>Số/lg</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Tua bin khí xả mét 33			
	Các hạng mục trùng tu			
	Nắp xi lanh	Cụm	1	
	Mở cửa khám, đo độ co bóp trực khuỷu trước và sau khi sửa chữa			
	Tháo các chi tiết liên quan, ống hút, ống xả, ống dầu, nước làm mát, cơ cấu đòn gánh, vệ sinh bảo dưỡng			
	Tháo nhấc nắp xilanh ra ngoài, tháo rã, vệ sinh thông rửa các khoang nước, thay mới gioăng làm kín			
	Tháo xuppap hút, xuppap xả, vệ sinh, kiểm tra, rà các bề mặt làm kín, lắp ráp lại			
	Tháo vòi phun, vệ sinh, kiểm tra			
	Căn chỉnh lại toàn bộ khe hở nhiệt xuppap			
	Piston	Cụm	1	
	Tháo cụm tuabin tăng áp ra ngoài, tháo rút trục roto, vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng, lắp ráp trở lại			
	Lắp ráp hoàn chỉnh, chạy thử			
	Lọc nhiên liệu	Cụm	1	
	Tháo nhấc sinh hàn ra ngoài, tháo rã, ngâm hóa chất không gian khí, vệ sinh, thông rửa			
	Thay các gioăng làm kín phía khí, phía nước			
	Dầu GTX 20w50	Lít	588	

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Thanh Tâm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Chu Chí Duy

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

QUYẾT TOÁN SỬA CHỮA TÀU APOLLO PACIFIC**Ngày 08 tháng 12 năm 2011**

TT	Hạng mục	Đ/ vị	Số/lg	Đ/giá	Th/tiền	Ghi chú
1	Tua bin khí xả mét 33					29-31/1/2012
	Các hạng mục trùng tu					
	Nắp xi lanh	Cụm	1	2.600.000	2.600.000	
	Mở cửa khám, đo độ co bóp trực khuỷu trước và sau khi sửa chữa				0	
	Tháo các chi tiết liên quan, ống hút, ống xả, ống dầu, nước làm mát, cơ cấu đòn gánh, vệ sinh bảo dưỡng				0	
	Tháo nhấc nắp xilanh ra ngoài, tháo rã, vệ sinh thông rửa các khoang nước, thay mới gioăng làm kín				0	
	Tháo xuppap hút, xuppap xả, vệ sinh, kiểm tra, rà các bề mặt làm kín, lắp ráp lại				0	
	Tháo vòi phun, vệ sinh, kiểm tra				0	
	Căn chỉnh lại toàn bộ khe hở nhiệt xuppap				0	
	Piston	Cụm	1	800.000	800.000	
	Tháo cụm tuabin tăng áp ra ngoài, tháo rút trục roto, vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng, lắp ráp trở lại				0	
	Lắp ráp hoàn chỉnh, chạy thử				0	
	Lọc nhiên liệu	Cụm	1	320.000	320.000	
	Tháo nhấc sinh hàn ra ngoài, tháo rã, ngâm hóa chất không gian khí, vệ sinh, thông rửa				0	
	Thay các gioăng làm kín phía khí, phía nước				0	
	Dầu GTX 20w50	Lít	588	60.000	35.280.000	
	CỘNG				39.000.000	
	THUẾ GTGT 10%				3.900.000	
	TỔNG CỘNG				42.900.000	

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Thanh Tâm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Chu Chí Duy

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.3:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số : 0000003</p>		
<p>Ngày 13 tháng 12 năm 2011</p>					
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI Mã số thuế: 0200741904 Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Phường Mê Linh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: * Fax: Số tài khoản: 3211000028229 Ngân hàng Đầu tư và phát triển-CN Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH HÀNG HẢI-NĂNG LƯỢNG XANH Mã số thuế: 0201214474 Địa chỉ: 169B Đường Hà Nội-Phường Sở Dầu-Q.Hồng Bàng-TP.Hải Phòng Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....</p>					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC theo hợp đồng:01BME/HĐSC/2011	C	01	39.000.000	39.000.000
Cộng tiền hàng					39.000.000
Thuế suất GTGT: 10%, tiền thuế GTGT					3.900.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					42.900.000
<p>Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ,chín trăm nghìn đồng chẵn.</p>					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký,đóng dấu,ghi rõ họ tên) GIÁM ĐỐC Chu Chí Duy</p>	

(nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.4:

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
 Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a – DNN**
 (Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**
 Ngày **14/09/2006** của Bộ trưởng **BTC**)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: **VND**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang			...
13/12/2011	HĐ GTGT 0000001	13/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu VGS	131	511	587.872.900
13/12/2011	HĐ GTGT 0000001	13/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	131	33311	58.787.290
13/12/2011	HĐ GTGT 0000003	13/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu APOLLO	131	511	39.000.000
13/12/2011	HĐ GTGT 0000003	13/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	131	33311	3.900.000
15/12/2011	HĐ GTGT 0000004	15/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Du	131	511	31.620.000
15/12/2011	HĐ GTGT 0000004	15/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	131	33311	3.162.000
16/12/2011	HĐ GTGT 0000005	16/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Thọ	131	511	36.475.000
16/12/2011	HĐ GTGT 0000005	16/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	131	33311	3.647.500
31/12/2011	PKT12/35	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	694.967.900
...
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	...
			Cộng	x	x	4.964.756.467

- **Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02**
- **Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.5: Đơn vị: **CTY CPTM&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 12 năm 2011
Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh tháng 12			
13/12/2011	HĐGTGT0000001	13/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu VGS	131		587.872.900
13/12/2011	HĐGTGT0000003	13/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu APOLLO	131		39.000.000
15/12/2011	HĐGTGT0000004	15/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Du	131		31.620.000
16/12/2011	HĐGTGT0000005	16/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Thọ	131		36.475.000
31/12/2011	PKT12/35	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	694.967.900	
			Cộng phát sinh tháng 12		694.967.900	694.967.900
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có 01 trang, đánh từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

Căn cứ vào bảng kê giá thành sửa chữa tàu, kế toán tập hợp chi phí vật tư và chi phí nhân công vào phiếu kế toán rồi tổng hợp nên giá thành sửa chữa.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

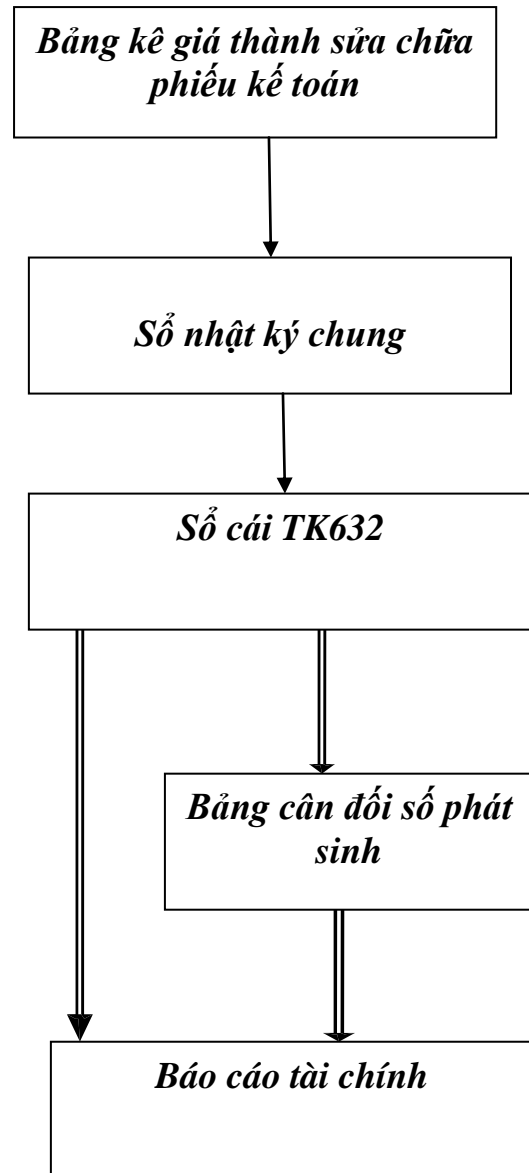
- Bảng kê giá thành sửa chữa tàu.
- Phiếu kế toán ghi nợ TK 632.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK632: Giá vốn hàng bán.
- TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dùng để ghi nhận giá vốn vật tư.
- TK242: Chi phí trả trước dài hạn dùng để ghi nhận giá vốn nhân công.
- TK1111: Tiền mặt (chi trả cho các chi phí phát sinh).

➤ **Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán:



Ghi chú:

-ghi hàng ngày: →

-ghi định kỳ : ⇨

VÍ DỤ 2: (Lấy tiếp ví dụ 1): song song với việc ghi nhận doanh thu từ hoạt động sửa chữa, kế toán tiến hành ghi nhận giá vốn. Căn cứ vào Bảng kê giá thành sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC, kế toán lập phiếu kế toán số 12/06, từ phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 632.

Biểu số 2.6:

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

BẢNG KÊ GIÁ THÀNH SỬA CHỮA TÀU APOLLO PACIFIC

Ngày 08 Tháng 12 Năm 2011

TT	Hạng mục	Đ/ vị	Số/lg	Đ/giá	Th/tiền	Ghi chú
1	Tua bin khí xả mét 33					29-31/1/2012
	Các hạng mục trùng tu					
	Nắp xi lanh	Cụm	1	1.584.000	1.584.000	
	Mở cửa khám, đo độ co bóp trực khuỷu trước và sau khi sửa chữa				0	
	Tháo các chi tiết liên quan, ống hút, ống xả, ống dầu, nước làm mát, cơ cấu đòn gánh, vệ sinh bảo dưỡng				0	
	Tháo nhấc nắp xilanh ra ngoài, tháo rã, vệ sinh thông rửa các khoang nước, thay mới gioăng làm kín				0	
	Tháo xuppap hút, xuppap xả, vệ sinh, kiểm tra, rà các bề mặt làm kín, lắp ráp lại				0	
	Tháo vòi phun, vệ sinh, kiểm tra				0	
	Căn chỉnh lại toàn bộ khe hở nhiệt xuppap				0	
	Piston	Cụm	1	326.702	326.702	
	Tháo cụm tuabin tăng áp ra ngoài, tháo rút trục roto, vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng, lắp ráp trở lại				0	
	Lắp ráp hoàn chỉnh, chạy thử				0	
	Lọc nhiên liệu	Cụm	1	157.080	157.080	
	Tháo nhấc sinh hàn ra ngoài, tháo rã, ngâm hóa chất không gian khí, vệ sinh, thông rửa				0	
	Thay các gioăng làm kín phía khí, phía nước				0	
	Dầu GTX 20w50	Lít	588	50.000	29.400.000	
	CỘNG				31.467.782	
	THUẾ GTGT 10%				3.146.778	
	TỔNG CỘNG				34.614.560	

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Thanh Tâm**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Chu Chí Dụy**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.7:

CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 08 tháng 12 năm 2011
Số: 12/06

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK nợ</i>	<i>TK có</i>	<i>Số tiền</i>
	Ghi nợ TK 632			
1	Giá thành sửa chữa tàu APOLLO PACIFIC	632	154	34.614.560
2	Chi phí nhân công	632	242	520.000
	Tổng			35.134.560

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Huyền

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.8:

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
 Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a – DNN**
 (Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**
 Ngày **14/9/2006** của **Bộ trưởng BTC**)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
13/12/2011	PKT12/03	13/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu VGS	632	154	268.181.105
13/12/2011	PKT12/03	13/12/2011	Chi phí nhân công	632	242	179.920.000
13/12/2011	PKT12/06	13/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu APOLLO	632	154	34.614.560
13/12/2011	PKT12/06	13/12/2011	Chi phí nhân công	632	242	520.000
15/12/2011	PKT12/11	15/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu Đông Du	632	154	3.370.050
15/12/2011	PKT12/11	15/12/2011	Chi phí nhân công	632	242	3.640.000
16/12/2011	PKT12/15	16/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu Đông Thọ	632	154	2.875.500
16/12/2011	PKT12/15	16/12/2011	Chi phí nhân công	632	242	2.860.000
31/12/2011	PKT12/37	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	495.981.215

			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	...
			Cộng	x	x	4.964.756.467

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.9:

Đơn vị: **CTY CPTM&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 12 năm 2011
Tên TK: **Giá vốn hàng bán**
Số hiệu: 632

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh tháng 12			
13/12/2011	PKT	13/12/20	Giá thành sửa chữa tàu VGS	154	268.181.105	
13/12/2011	PKT	13/12/20	Chi phí nhân công	242	179.920.000	
13/12/2011	PKT	13/12/20	Giá thành sửa chữa tàu	154	34.614.560	
13/12/2011	PKT	13/12/20	Chi phí nhân công	242	520.000	
15/12/2011	PKT	15/12/20	Giá thành sửa chữa tàu Đông	154	3.370.050	
15/12/2011	PKT	15/12/20	Chi phí nhân công	242	3.640.000	
16/12/2011	PKT	16/12/20	Giá thành sửa chữa tàu Đông	154	2.875.500	
16/12/2011	PKT	16/12/20	Chi phí nhân công	242	2.860.000	
31/12/2011	PKT	31/12/20	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		495.981.215
			Cộng phát sinh tháng 12		495.981.215	495.981.215
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có 01 trang, đánh từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

2.2.4. Kế toán xác định kết quả bán hàng

2.2.4.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác....

➤ Chứng từ sử dụng :

- Hoá đơn dịch vụ viễn thông
- Giấy đề nghị thanh toán
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

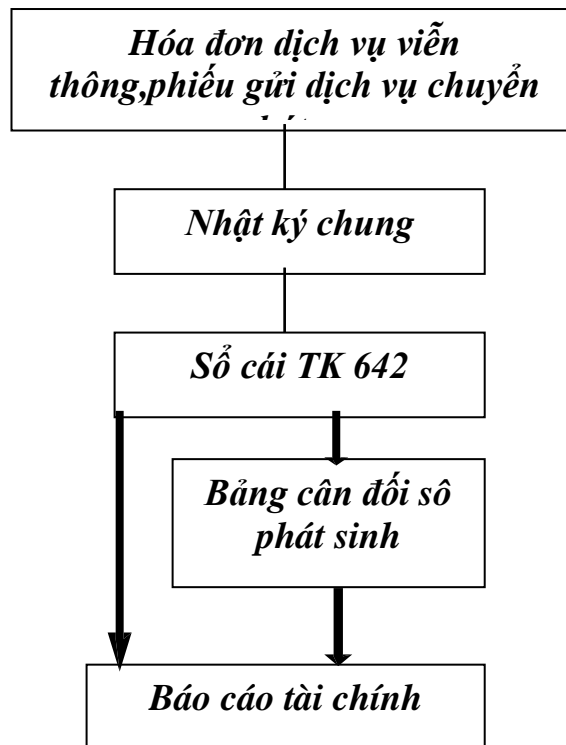
➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

➤ **Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 2.6: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

CPTM&DVKN Hàng Hải:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

VÍ DU 3: Công ty thanh toán tiền chi phí phục vụ quản lý tháng 12, bao gồm: cước di động, cước viễn thông, cước vận chuyển, cước CPN, phí đường bộ, tổng thanh toán là 13.459.067 đồng (bao gồm cả VAT10%)

Căn cứ vào các hóa đơn dịch vụ, kế toán viết giấy đề nghị thanh toán trình ban Giám đốc, sau khi được giám đốc ký duyệt, kế toán viết phiếu chi số 45, sau đó vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK642.

Biểu số 2.10:

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)
Liên 2: Giao cho người mua(Customer copy)**

**Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01
Ký hiệu (Serial No):AA/11P
Số(No): 3000277**

Mã số thuế: **0200287977-022**.....

Viễn thông(Telecommucation):Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng.....

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray,Ngô Quyền, Hải Phòng.....

Tên khách hàng (Customer' name): Công ty CPTM&DV Kỹ Nghệ Hàng Hải.....

Địa chỉ (Address): lô 461 Dãy B, Trại Lẻ, Kênh Dương, Lê Chân.....

Số điện thoại (Tel): 3613468.....Mã số (code): HPG-03-456711(T6KDU2).....

Hình thức thanh toán (Kind of

Payment):.. TM/CK...MST:.....0200741904.....

STT(NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)VND
1	2	3	4	5	6=4X5.
	Kỳ cước tháng: 11/2011				123.553
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				0
	b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu+Đã dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					123.553
Thuế suất GTGT(VAT rate): 10%x(1)=			Tiền thuế GTGT(VAT amount) (2):		12.355
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán(Grand total)(1+2):					135.908

Số tiền viết bằng chữ (In words):...Một trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm linh tám đồng.....

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

**Người nộp tiền ký
(Signature of payer)**

**Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.11:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số: 0001379</p>			
<p>Ngày 30 tháng 12 năm 2011</p>					
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG KIÊN Mã số thuế: 0200591159 Địa chỉ: Số 24 Lê Lợi, P.Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: ...0313.550367.....* Fax: 0313.552914..... Số tài khoản: 01914.00.00C Ngân hàng VP Bank Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng Hải Mã số thuế: 0200741904 Địa chỉ: 33 Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng Hình thức thanh toán: ...TM.....Số tài khoản:.....</p>					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cước vận chuyển hành khách bằng xe taxi tháng 12/2011				8.591.000
Cộng tiền hàng					8.591.000
Thuế suất GTGT: 10%, tiền thuế GTGT					859.100
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.450.100
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm đồng.					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Phạm Kim Anh (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) GIÁM ĐỐC Phạm Văn Việt</p>	
<p>(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)</p>					

Biểu số 2.12:

Khoa Máy tàu biển-Trường Đại học Hàng hải
 Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng hải
 Marine Engineering Trade & Service Joint Stock Company-METS JSC.
 Add: 33 MeLinh,Le Chan,Haiphong,Vietnam
 Phone: +84 31 3829244 Fax: +84 31 3733772

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**Kính gửi: Ban giám đốc Công ty CPTM&DV kỹ nghệ hàng hải****Tôi tên: Nguyễn Lê Huyền****Tổ/Ban/Phòng: Kế toán****Đề nghị lãnh đạo Công ty cho tôi thanh toán: 13.479.067 đồng****Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi phí phục vụ quản lý****Gồm các chứng từ kèm theo: Bảng kê, hóa đơn bán hàng, hóa đơn VAT**

Stt	Hóa đơn chứng		Nội dung	Số tiền	Thuế VAT	Thành tiền	Ghi chú
	Số HĐ	Ngày					
1	0625085	20/12/2011	Cước di động	543.160	54.316	597.476	Tập đoàn VT quân đội
2	062506	20/12/2011	Cước di động	447.344	44.734	492.078	Tập đoàn VT quân đội
3	0516911	29/12/2011	Cước di động	738.641	73.864	812.505	CT thông tin di động KV V
4	3000277	08/12/2011	Cước viễn thông	123.553	12.355	135.908	Viễn thông HP
5	0001379	30/12/2011	Cước vận chuyển	8.591.000	859.100	9.450.100	CT CP Trung Kiên
6			Cước CPN			190.000	
7			Phí đường bộ			1.781.000	
Tổng cộng				10.443.698	1.044.369	13.459.067	

Trưởng tổ/ban/phòng xác nhận:**Ngày 30 tháng 12 năm 2011****Người đề nghị**

Nguyễn Lê Huyền

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)**Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo****Lớp: QT1206K**

Biểu số 2.13:

Đơn vị: CTY CPTM&DVKN HÀNG HẢI
Bộ phận: Kế toán

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 12 năm 2011 **Quyển số: 12.....**
Số: 45.....
Nợ TK 642: 10.443.698
Nợ TK 1331: 1.044.369
Có TK 111: 11.488.067

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Lê Huyền.....Đơn vị: Cty CPTM&DVKN Hàng Hải.....

Địa chỉ: 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng.....

Lý do chi: .Thanh toán theo giấy đề nghị thanh toán của Nguyễn Lê Huyền

Số tiền:VND 11.488.067.....

Bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn không trăm sáu mươi đồng

Kèm theo:05.....chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Chu Chí Duy	Nguyễn Lê Huyền	Phạm Thị An	Chu Thị Thắm	\ Nguyễn Lê Huyền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn không trăm sáu mươi đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

VÍ DU 4: Cuối tháng, kế toán tiến hành tính lương phải trả tháng 12/2011 cho bộ phận hành chính là 21.147.154 đồng, bộ phận sửa chữa là 75.972.000 đồng.

Dựa vào bảng tổng hợp chấm công tháng 12, kế toán lập bảng lương tháng 12, căn cứ vào đó, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 12.

Biểu số 2.14:

Đơn vị: CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Bộ phận	Phải trả công nhân viên	Phải trả phải nộp khác				Tổng cộng
			3382(KPCĐ) 2%	3383(BHXH) 16%	3384(BHYT) 3%	BHTN 1%	
1	Bộ phận sửa chữa	75.972.000	1.519.440	12.155.520	2.279.160	759.720	16.713.840
2	Bộ phận hành chính	21.147.154	422.943	3.383.545	634.415	211.472	4.652.375
	Tổng cộng	97.119.154	1.942.383	15.539.065	2.913.575	971.192	21.366.215

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Theo chính sách của công ty, tiền lương được trả cho 2 bộ phận, bao gồm bộ phận hành chính và bộ phận sửa chữa. Tiền lương phải trả cho bộ phận sửa chữa được hạch toán vào tài khoản 242- chi phí trả trước dài hạn để tính vào giá vốn hàng bán. Tiền lương phải trả cho bộ phận hành chính được hạch toán vào tài khoản 642. Vì vậy trong sổ cái TK 642 chỉ hạch toán tiền lương cũng như các khoản trích theo lương của bộ phận hành chính.

Biểu số 2.15:

Đơn vị: **CTY CTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a – DNN**
(Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**
Ngày **14/9/2006** của **Bộ trưởng BTC**)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang			...
30/12/2011	PC45	30/12/2011	Thanh toán theo giấy đề nghị thanh toán của Nguyễn Lê Huyền	642	1111	10.443.698
30/12/2011	PC45	30/12/2011	Thuế GTGT được khấu trừ theo 05 HĐ	1331	1111	1.044.369
30/12/2011	GBN34	30/12/2011	Thanh toán phí CK	642	1121	36.300
30/12/2011	GBN36	30/12/2011	Phí CK	642	1121	26.960
31/12/2011	BPBK12	31/12/2011	Khấu hao TSCĐ	642	2141	17.964.391
31/12/2011	BPBL12	31/12/2011	Xác định lương bộ phận hành chính	642	334	21.147.154
31/12/2011	BPBL12	31/12/2011	Phân bổ bảo hiểm xã hội	642	338	4.652.375
31/12/2011	PKT12/22	31/12/2011	Phân bổ chi phí trả trước	642	142	13.726.594
31/12/2011	PKT12/38	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	77.245.097
...
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	...
			Cộng	x	x	4.964.756.467

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ: Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.16:

Đơn vị: **CTY CPTM&DVKN HÀNG HẢI**
 Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Tháng 12 năm 2011
 Tên TK: **Chi phí quản lý kinh doanh**
 Số hiệu: 642

ĐVT:VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh tháng 12			
30/12/2011	PC45	30/12/2011	Thanh toán theo giấy đề nghị thanh toán của Nguyễn Lê Huyền	1111	10.443.698	
30/12/2011	GBN34	30/12/2011	Thanh toán phí CK	1121	36.300	
30/12/2011	GBN36	30/12/2011	Phí CK	1121	26.960	
31/12/2011	BPBKH12	31/12/2011	Khấu hao TSCĐ	2141	17.964.391	
31/12/2011	BPBL12	31/12/2011	Xác định lương bộ phận hành chính	334	21.147.154	
31/12/2011	BPBL12	31/12/2011	Phân bổ bảo hiểm xã hội	338	4.652.375	
31/12/2011	PKT12/22	31/12/2011	Phân bổ chi phí trả trước	142	13.726.594	
...	
31/12/2011	PKT12/38	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		77.245.097
			Cộng phát sinh tháng 12		77.245.097	77.245.097
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có 01 trang, đánh từ trang số 01 đến trang 01
 - Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

2.2.4.2. Kế toán xác định kết quả bán hàng.

Cuối tháng 12, kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh của tháng. Riêng với kết quả bán hàng, kế toán chỉ xác định qua phiếu kế toán mà không ghi nhận vào sổ chi tiết để theo dõi riêng kết quả của hoạt động này. Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu bán hàng, giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh và xác định kết quả bán hàng, sau đó, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 911.

Để xác định kết quả bán hàng, cuối mỗi tháng kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK911.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có tài khoản 911 thì kế toán công ty thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế.

Kế toán ghi:

Nợ TK421: Lợi nhuận sau thuế

Có TK911: Xác định kết quả kinh doanh

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có tài khoản 911 thì kế toán phải tính thuế TNDN phải nộp Nhà Nước.

Kế toán hạch toán chi phí thuế TNDN vào tài khoản 821.

Thuế TNDN phải nộp được tính như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế = Số PS Có TK911 - Số PS Nợ TK911

- Xác định số thuế TNDN phải nộp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN

Khi đã xác định số thuế TNDN phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế TNDN còn phải nộp hay được ghi giảm

Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ tài khoản 911 từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển trong tháng 12/2011 ta có:

+ Tổng số phát sinh bên Có TK911

Kết chuyển doanh thu thuần: 694.967.900

Tổng cộng: 694.967.900

+ Tổng số phát sinh bên Nợ TK911

Kết chuyển giá vốn hàng bán: 495.981.215

Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh: 77.245.097

Tổng cộng: 573.226.312

+ Xác định kết quả bán hàng:

Kết quả hoạt động bán hàng = 694.967.900 - 573.226.312

= 121.741.588

Biểu số 2.17:

CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 12/35

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK nợ</i>	<i>TK có</i>	<i>Số tiền</i>
	Ghi nợ TK 511			
1	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511	911	694.967.900
	Tổng			694.967.900

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Huyền

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.18:

CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 12/37

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK nợ</i>	<i>TK có</i>	<i>Số tiền</i>
	Ghi có TK 632			
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	495.981.215
	Tổng			495.981.215

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Huyền

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.19:

CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 12/38

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK nợ</i>	<i>TK có</i>	<i>Số tiền</i>
	Ghi có TK 642			
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	77.245.097
	Tổng			77.245.097

**Người lập phiếu
(Ký, họ tên)**

**Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**

Nguyễn Lê Huyền

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.20:

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a – DNN**
(Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**
Ngày **14/9/2006** của **Bộ trưởng BTC**)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang			...
31/12/2011	PKT12/34	31/12/2011	Kết chuyển thuê GTGT	33311	1331	69.496.790
31/12/2011	PKT12/35	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	694.967.900
31/12/2011	PKT12/36	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	623.804
31/12/2011	PKT12/37	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	495.981.215
31/12/2011	PKT12/38	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	77.245.097
31/12/2011	PKT12/39	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	22.355.181
31/12/2011	PKT12/40	31/12/2011	Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2011	821	3334	22.355.181
31/12/2011	PKT12/41	31/12/2011	Kết chuyển lãi	911	421	100.010.211
			Cộng	x	x	4.964.756.467

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

Biểu số 2.21:

Đơn vị: **CTY CPTM&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2011

Tên TK: **Xác định kết quả kinh doanh**
Số hiệu: **911**

DVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh tháng 12			
31/12/2011	PKT12/35	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		694.967.900
31/12/2011	PKT12/36	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		623.804
31/12/2011	PKT12/37	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	495.981.215	
31/12/2011	PKT12/38	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	77.245.097	
31/12/2011	PKT12/39	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	22.355.181	
31/12/2011	PKT12/41	31/12/2011	Kết chuyển lãi	421	100.010.211	
			Cộng phát sinh tháng 12		695.591.704	695.591.704
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có 01 trang, đánh từ trang số 01 đến trang 02
- Ngày mở sổ: Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty tháng 12 năm 2011)

**CHƯƠNG 3:
BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG
TẠI CÔNG TY CPTM&DVKN HÀNG HẢI**

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM&DVKN Hàng Hải.

3.1.1. Ưu điểm:

Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty CPTM&DVKN Hàng Hải. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định một phần kết quả kinh doanh và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của phần hành kế toán bán hàng đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng..., kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về kế hoạch kinh doanh đúng đắn và hiệu quả. Công ty CP&DVKN Hàng Hải là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động bán hàng. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đơn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ

mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung” , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ, công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình cung cấp dịch vụ và kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu bán hàng về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ với phương pháp tính giá vốn đó là cộng toàn bộ giá vốn vật tư , giá vốn nhân công và giá vốn chi phí. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:

- Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận tại công ty

chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc.

Thứ hai, về hệ thống sổ kế toán:

- Hiện nay công ty sử dụng mẫu sổ Nhật ký chung không theo đúng quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài Chính ban hành.

- Theo tính chất kinh doanh, mỗi nghiệp vụ bán hàng cũng như mua hàng của công ty thường tương ứng với một khách hàng (doanh nghiệp) hoặc một người bán (doanh nghiệp), nên công ty có đa dạng các đối tác kinh doanh, tuy nhiên, công ty lại không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) cũng như bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Điều này tạo khó khăn cho công ty trong việc theo dõi công nợ.

- Về cơ bản, công ty đã vận dụng hệ thống tài khoản theo đúng chế độ kế toán hiện hành là theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC. Tuy nhiên, công ty lại không sử dụng chi tiết tài khoản cấp 2 cho TK511, TK632 và TK642, gây khó khăn cho kế toán trong việc xác định chi tiết doanh thu, giá vốn, chi phí phát sinh trong kỳ.

- Công ty không mở các sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn, gây trở ngại trong việc theo dõi chi tiết các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh.

- Công ty không sử dụng các sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký mua hàng, nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền...trong quá trình theo dõi tiêu thụ và các khoản thu chi của công ty.

Thứ ba, về tổ chức công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

- Công ty vẫn sử dụng bảng tính Excell trên máy tính để thực hiện công việc kế toán, tuy có tiết kiệm thời gian song đánh máy thủ công nên đôi khi không tránh được sự nhầm lẫn về số liệu.

- Công ty chỉ có một nhân viên kế toán thực hiện toàn bộ quá trình hạch toán kế toán ở tất cả các khâu, dễ tạo áp lực cho nhân viên khi khối lượng công việc nhiều, ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

Thứ tư, về công tác bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty:

- Công ty không sử dụng các chính sách ưu đãi dành cho các khách hàng,

đặc biệt là các khách hàng tiềm năng, điều này khiến cho khả năng cạnh tranh của công ty không cao, tạo điều kiện cho những đối thủ cạnh tranh khác nắm cơ hội lôi kéo khách hàng.

Thứ năm, về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Hiện nay, hầu hết các khoản cung cấp dịch vụ của công ty chưa thu được tiền khách hàng, tuy nhiên, công ty lại không tiến hành trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Trước tình hình kinh tế bất ổn như hiện nay, việc không trích lập dự phòng phải thu khó đòi gây rủi ro rất cao cho việc kinh doanh của công ty.

Thứ sáu, về khả năng cạnh tranh của công ty:

- Hiện nay, ngành hàng hải đang gặp khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan của thị trường kinh tế thế giới và kinh tế trong nước mang lại. Do vậy sự phát triển của ngành đang bị chững lại, kéo theo việc kinh doanh của công ty cũng gặp không ít khó khăn.

- Công ty có quy mô kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ, vốn ít nên việc đầu tư mua sắm các trang thiết bị để cung cấp cho việc sửa chữa còn thiếu, chưa đáp ứng được hết các nhu cầu của khách hàng.

- Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn cho công ty.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM&DVKN Hàng Hải.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện:

Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay khi sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả bán hàng một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc thu hồi vốn và lãi; quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kì kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực khả thi. Bất kì một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng vững mạnh.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Với yêu cầu quản lí về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt: Để đáp ứng nhu cầu về quản lí đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả bán hàng đòi hỏi người quản lí phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại

hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lí. Do vậy, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lí, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lí của doanh nghiệp, giúp cho người quản lí nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh. Từ đó quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CPTM & DVKN Hàng Hải.

Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:

Công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, các xưởng... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

Thứ hai, về hệ thống sổ kế toán:

- Công ty nên sửa lại mẫu sổ nhật ký chung (Mẫu S03a-DN) theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Biểu số 3.1:

**Mẫu sổ nhật ký chung tháng 12 theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính(Mẫu S03a-DNN)**

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a – DNN**
(Ban hành theo QĐ số: **48/2006/QĐ- BTC**
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SSTT Đồng	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				...	
31/12/2011	PKT12/34	31/12/2011	Kết chuyển thuế GTGT	x	67	33311 1331	69.496.790	69.496.790
31/12/2011	PKT12/35	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng	x	68	511 911	694.967.900	694.967.900
31/12/2011	PKT12/36	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	x	69	515 911	623.804	623.804
31/12/2011	PKT12/37	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	x	70	911 632	495.981.215	495.981.215
31/12/2011	PKT12/38	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	x	71	911 642	77.245.097	77.245.097
31/12/2011	PKT12/39	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	x	72	911 821	22.355.181	22.355.181
31/12/2011	PKT12/40	31/12/2011	Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2011	x	73	821 3334	22.355.181	22.355.181
31/12/2011	PKT12/41	31/12/2011	Kết chuyển lãi	x	74	911 421	100.010.211	100.010.211
			Cộng	x	x	x	4.964.756.467	4.964.756.467

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

VÍ DỤ 5: Trong tháng 12, công ty đã hoàn thành sửa chữa hai tàu Đông Thọ và Đông Du của công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô, công ty đã bàn giao nhưng khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào 2 hóa đơn GTGT số 0000004 và 0000005, kế toán nên tiến hành mở sổ chi tiết thanh toán với người mua để tiện cho việc theo dõi công nợ.

Biểu số 3.2:

Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính (Mẫu số S13-DNN):

Đơn vị: CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK: 131, 331)

Tài khoản: phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Loại tiền: VNĐ

Mẫu số: S13 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					–	
			Số phát sinh trong tháng						
15/12/2011	HĐGTGT 0000004	15/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Du	511		31.620.000		31.620.000	
15/12/2011	HĐGTGT 0000004	15/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	33311		3.162.000		34.782.000	
16/12/2011	HĐGTGT 0000005	16/12/2011	Xác nhận sửa chữa tàu Đông Thọ	511		36.475.000		71.257.000	
16/12/2011	HĐGTGT 0000005	16/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	33311		3.647.500		74.904.500	
			Cộng số phát sinh	x	x	74.904.500		x	x
			Số dư cuối tháng	x	x	x	x	74.904.500	

-Sổ này có 05 trang , đánh từ trang 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ : Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

- Công ty nên sử dụng chi tiết tài khoản cấp 2 cho TK511 và TK642 như sau:
 - **Chi tiết tài khoản cấp 2 của TK 511:**
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - **Chi tiết tài khoản cấp 2 của TK 642:**
 - + TK 6421: Chi phí bán hàng
 - + TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Công ty cũng nên mở các sổ chi tiết bán hàng để tạo thuận tiện cho việc theo dõi chi tiết cho từng loại doanh thu dịch vụ phát sinh trong công ty như: dịch vụ sửa chữa tàu thủy, dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, dịch vụ lao động và việc làm...

Biểu số 3.3:

Mẫu số chi tiết bán hàng tháng 12 theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính(Mẫu S17-DNN)

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

Mẫu số: **S17 – DNN**
(Ban hành theo QĐ số: **48/2006/QĐ- BTC**
Ngày **14/9/2006** của Bộ trưởng **BTC**)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):Dịch vụ sửa chữa tàu thủy
Tháng 12 năm 2011
Quyển số :03

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212,5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số phát sinh trong kỳ				1.389.935.800		
13/12/2011	HĐGTGT 0000001	13/12/2011	Sửa chữa tàu VGS	131	1	587.872.900	587.872.900		
13/12/2011	HĐGTGT 0000003	13/12/2011	Sửa chữa tàu APOLLO	131	1	39.000.000	39.000.000		
15/12/2011	HĐGTGT 0000004	15/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Du	131	1	31.620.000	31.620.000		
16/12/2011	HĐGTGT 0000005	16/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Thọ	131	1	36.475.000	36.475.000		
			Doanh thu thuần				694.967.900		
			Giá vốn hàng bán				495.981.215		
			Lãi gộp				198.986.685		

Sổ này có 50 trang, đánh từ trang 01 đến trang 50
- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu số 3.3:

Mẫu sổ chi tiết bán hàng tháng 12 theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính(Mẫu S17-DNN)

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**

Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-H**

Mẫu số: **S17 – DNN**

Ban hành theo **QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC**

Ngày **14/9/2006** của Bộ trưởng **BTC**)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):**Dịch vụ sửa chữa tàu thủy**

Tháng 12 năm 2011

Quyển số :03

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212,5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số phát sinh trong kỳ				1.389.935.800		
13/12/2011	HĐGTGT 0000001	13/12/2011	Sửa chữa tàu VGS	131	1	587.872.900	587.872.900		
13/12/2011	HĐGTGT 0000003	13/12/2011	Sửa chữa tàu APOLLO	131	1	39.000.000	39.000.000		
15/12/2011	HĐGTGT 0000004	15/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Du	131	1	31.620.000	31.620.000		
16/12/2011	HĐGTGT 0000005	16/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Thọ	131	1	36.475.000	36.475.000		
			Doanh thu thuần				694.967.900		
			Giá vốn hàng bán				495.981.215		
			Lãi gộp				198.986.685		

Sổ này có 50 trang, đánh từ trang 01 đến trang 50

- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Sinh viên: **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Lớp: **QT1206K**

Biểu số 3.4:

Mẫu sổ chi tiết giá vốn hàng bán tháng 12 theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: 632
Tháng 12 năm 2011
Quyển số :03

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
13/12/2011	PKT12/03	13/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu VGS	154	268.181.105		268.181.105	
13/12/2011	PKT12/03	13/12/2011	Chi phí nhân công	242	179.920.000		448.101.105	
13/12/2011	PKT12/06	13/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu Apollo	154	34.614.560		482.715.665	
13/12/2011	PKT12/06	13/12/2011	Chi phí nhân công	242	520.000		483.235.665	
15/12/2011	PKT12/11	15/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu Đông Du	154	3.370.050		486.605.715	
15/12/2011	PKT12/11	15/12/2011	Chi phí nhân công	242	3.640.000		490.245.715	
16/12/2011	PKT12/15	16/12/2011	Giá thành sửa chữa tàu Đông Thọ	154	2.875.500		493.121.215	
16/12/2011	PKT12/15	16/12/2011	Chi phí nhân công	242	2.860.000		495.981.215	
31/12/2011	PKT12/37	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		495.981.215	-	
			Cộng phát sinh trong kỳ		495.981.215	495.981.215		
			Dư cuối kỳ					

Sổ này có 50 trang, đánh từ trang 01 đến trang 50
- Ngày mở sổ: ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo
Lớp: QT1206K

- Công ty nên mở các sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký mua hàng, nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... Việc làm này nhằm giảm khối lượng công việc cho kế toán, đồng thời giúp kế toán theo dõi được chi tiết tình hình tiêu thụ cũng như tình hình thu chi của công ty.

Biểu số 3.5:

Mẫu sổ nhật ký bán hàng tháng 12 theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính(Mẫu S03a4-DNN)

Đơn vị: **CTY CPTP&DVKN HÀNG HẢI**
Địa chỉ: **Số 33-Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng**

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG
Tháng 12 năm 2011

Mẫu số: **S03a4 – DNN**
(Ban hành theo QĐ số: **48/2006/QĐ- BTC**
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (Ghi nợ)	Ghi có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang
13/12/2011	HĐGTGT 000001	13/12/2011	Sửa chữa tàu VGS	587.872.900			587.872.900
13/12/2011	HĐGTGT 000003	13/12/2011	Sửa chữa tàu APOLLO	39.000.000			39.000.000
15/12/2011	HĐGTGT 000004	15/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Du	31.620.000			31.620.000
16/12/2011	HĐGTGT 000005	16/12/2011	Sửa chữa tàu Đông Thọ	36.475.000			36.475.000
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có 01.trang, đánh từ trang 01 đến trang.01
- Ngày mở sổ: Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Ngày 31tháng 12 năm2011

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Thứ ba, về hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, cung cấp dịch vụ, công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm dịch vụ của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

□ Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.

□ Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft

□ Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

□ Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán

trường, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (số cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Thứ tư, về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ các dịch vụ của công ty:

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến mại cho những khách hàng thanh toán sớm và trước thời hạn được phép nợ khi sử dụng dịch vụ của công ty.

- Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 635: Số tiền khuyến mại, giảm giá đặc biệt

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, đồng thời thúc đẩy việc khách hàng thanh toán tiền sớm cho doanh nghiệp, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

Thứ năm, về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, do đặc thù kinh doanh dịch vụ về vận tải đặc biệt là tàu biển nên công ty mở TK 1592 – “dự phòng phải thu khó đòi” và chi tiết cho từng khách hàng là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi

được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

Việc trích lập dự phòng khó đòi còn phải dựa trên khả năng thanh toán của khách hàng.

+Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế):

$$\begin{array}{l} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số nợ phải thu} \\ \text{khách hàng} \\ \text{đáng ngờ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỉ lệ ước tính khoản thu} \\ \text{được của khách hàng} \end{array}$$

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 1592.

- Phương pháp hạch toán:

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 1592: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592: dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí quản lý kinh doanh

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 711: thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Cụ thể, đối với công ty CPTM & DVKN Hàng Hải, căn cứ vào bảng kê công nợ phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kế toán có thể trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Biểu số 3.6:

Đơn vị: Công ty CPTM & DVKN Hàng Hải

Địa chỉ: Số 83- Bạch Đằng - Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S02b - DNN

Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2011

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán (tháng)	Khả năng thanh toán (%)	Tỉ lệ trích lập dự phòng (%)	Số trích lập dự phòng
1	Cty CP Phát triển Hàng Hải	55.785.000	6		30%	16.735.500
2	Cty Năng lượng Xanh	69.020.820	13		50%	34.510.410
3	Công ty Container Phía Nam	139.700.855	26		70%	97.790.599
	Cộng	264.506.675				149.036.509

Hải phòng ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên, đóng dấu)

Sau khi trích lập dự phòng, kế toán ghi:

Nợ TK642: 149.036.509

Có TK1592: 149.036.509

Thứ sáu, về mở rộng thị trường tiêu thụ dịch vụ của công ty:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp khác, đòi hỏi công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng dịch vụ, tay nghề sửa chữa... Ban lãnh đạo công ty cần có những chính sách, chiến lược để đối phó với tình hình hiện nay. Hơn nữa, đề nghị công ty nên có biện pháp giới thiệu hàng hóa, dịch vụ của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng là phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả mà quảng cáo đem lại.

KẾT LUẬN

Tiêu thụ hàng hoá (bán hàng) là một khâu rất quan trọng trong một chu trình sản xuất kinh doanh của bất kì doanh nghiệp nào. Vì vậy, tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng chiếm một vị trí, vai trò và ý nghĩa to lớn trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, công ty CPTM & DVKN Hàng Hải đã rất chú trọng, quan tâm đến tổ chức hạch toán kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Là một công ty cổ phần thương mại nhỏ, hạch toán kinh tế độc lập, công ty đã chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, và ngày càng kinh doanh có hiệu quả. Bộ phận kế toán bán hàng đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của công ty. Trong thời gian tới, với quy mô ngày càng mở rộng, hi vọng kế toán công ty sẽ ngày càng hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản lí đặt ra.

Trải qua một quá trình nghiên cứu và thực tập tại công ty CPTM & DVKN Hàng Hải, em nhận thấy đi đôi với việc học tập nghiên cứu thì việc tìm hiểu thực tế cũng rất quan trọng. Chính vì vậy, với thời gian thực tập tại phòng kế toán của công ty, em đã cố gắng đi sâu tìm hiểu và hoàn thành bài luận văn này.

Mặc dù đã nỗ lực cố gắng nhưng do điều kiện còn hạn chế về mặt kiến thức và thời gian khảo sát thực tế nên bài luận văn không tránh khỏi những sai sót. Em mong được sự giúp đỡ và nhận xét của thầy cô để bài khoá luận này đạt kết quả xuất sắc nhất. Qua đây, em cũng xin gửi lời cảm ơn đến cán bộ nhân viên phòng kế toán đã cung cấp số liệu và chỉ bảo cho em. Đồng thời em xin cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sĩ Nguyễn Thị Thu đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này./

Hải phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Võ Văn Nhị và các tác giả, Kế toán tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính, 2009.
2. PGS.TS Nguyễn Văn Công, Lý thuyết thực hành kế toán tài chính, NXB Đại học kinh tế Quốc dân, 2006.
3. TS. Trần Hữu Thực, Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2, NXB Thống kê Hà Nội, 2008.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Đã sửa đổi, bổ sung theo Thông Tư 138/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 04/10/2011), Nhà xuất bản tài chính, 2011.
5. Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.
6. Luận văn tốt nghiệp các khoá trước.
7. Sổ sách và các tài liệu của công ty do phòng kế toán công ty cung cấp.
8. Website: www.webketoan.com.vn
9. Các tài liệu tham khảo khác ...